

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**NÔNG THỊ LINH**

**BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA  
PHỤ NỮ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC GIANG**

**Chuyên ngành: Quyền con người**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**  
**PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương**

**HÀ NỘI - 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong Luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của Luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

**TÁC GIẢ**

**NÔNG THỊ LINH**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b> .6	<b>6</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quyền tham gia chính trị của phụ nữ .....	6
1.2. Nội dung quyền tham gia chính trị của phụ nữ .....	12
1.3. Các điều kiện bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ .....	19
1.4. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ .....	25
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ Ở TỈNH BẮC GIANG</b> .....	<b>33</b>
2.1. Những yếu tố tác động đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang .....	33
2.2. Thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang .....	35
2.3. Các điều kiện bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang	44
2.4. Đánh giá chung về thực trạng bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang.....	55
<b>CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC GIANG</b> .....	<b>60</b>
3.1. Quan điểm tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay .....	60
3.2. Giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang .....	65
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>76</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>80</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

QH11	Quốc hội 11
NQ/TW	Nghị quyết Trung ương
CT/TW	Chỉ thị Trung ương
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa-Hiện đại hóa
QĐ/TTg	Quyết định Thủ tướng
NQ-CP	Nghị quyết Chính phủ
KL/TW	Kết luận Trung ương
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
HD/TU	Hướng dẫn Tỉnh ủy
TCCP/CCVC	Tổ chức Chính phủ/Công chức viên chức

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong các quyền của con người thì quyền của phụ nữ bình đẳng với nam giới là nhu cầu, là khát vọng của phụ nữ trên toàn thế giới. Trên thế giới, phụ nữ vẫn phải chịu những thiệt thòi về mặt vị trí xã hội so với nam giới. Điều đó đặc biệt thể hiện ở sự bất bình đẳng với phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền chính trị. Cuộc đấu tranh cho vị thế bình đẳng của phụ nữ so với nam giới xuất phát từ nghịch lý kể trên, bắt đầu từ buổi bình minh của chế độ phụ quyền khi mà chế độ mẫu quyền chấm dứt. Phát triển từ thấp đến cao, từ tự phát đến tự giác, cho đến ngày nay, đấu tranh cho vị thế bình đẳng của phụ nữ với nam giới, trong đó đặc biệt là quyền chính trị của phụ nữ, đã không còn là vấn đề riêng biệt của mỗi quốc gia, mà đã trở thành mối quan tâm chung của toàn nhân loại và được thể chế hóa trong nhiều công ước quốc tế về quyền con người [26] như: Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 khẳng định: *“Tất cả mọi người sinh ra có quyền bình đẳng”*. Tuyên ngôn của cách mạng tư sản Pháp năm 1789 tuyên bố: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 đã khẳng định quyền bình đẳng với tư cách là nền tảng để con người hưởng thụ mọi nhân quyền: *“Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền”* (Điều 1). Quyền bình đẳng ấy được Tuyên ngôn triển khai toàn diện trên các khía cạnh: *“Chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay địa vị xã hội”* (Điều 2). Việc giải phóng phụ nữ khỏi bất bình đẳng giới tạo điều kiện cho họ bình quyền với nam giới là yêu cầu tất yếu.

Ở Việt Nam hiện nay, phụ nữ là lực lượng lao động xã hội chiếm hơn 50 %, có những đóng góp hết sức to lớn vào công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm giành và giữ gìn độc lập, xây dựng Tổ quốc. Trong sự nghiệp Đổi mới hiện nay, phụ nữ Việt Nam vẫn luôn sát cánh cùng nam giới phấn đấu vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh" và có những đóng góp đáng kể trong các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, ổn định xã hội cũng như những cống hiến xuất sắc trong việc chăm lo xây dựng gia đình, nuôi dưỡng các thế hệ công dân tương lai của đất nước. Không những vậy, nhiều phụ nữ còn mang lại những vinh

quang lớn cho đất nước trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, thể thao. Nhận thức rõ vị trí và vai trò quan trọng của người phụ nữ trong xã hội nên ngay từ khi nước nhà mới giành được độc lập, các quyền của công dân nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng đã được pháp luật Việt Nam ghi nhận và khẳng định, trong đó có các quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ. Điều đó đã tạo điều kiện căn bản cho phụ nữ tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động kinh tế, xã hội và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều và hiệu quả hơn vào lĩnh vực chính trị; nhờ vậy, phụ nữ Việt Nam ngày càng có nhiều cơ hội và nhiều đại diện tham gia vào hệ thống chính trị, cũng như vào việc đề xuất, hoạch định, thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xét chung trên toàn thế giới và khu vực, Việt Nam là quốc gia được đánh giá cao về mức độ bảo đảm quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ, thể hiện ở tỷ lệ đại biểu nữ trong Quốc hội ở mức tương đối cao. Mặc dù vậy, trên thực tế ở Việt Nam, quyền bình đẳng về chính trị của phụ nữ vẫn chưa được bảo đảm một cách tương xứng so với vai trò và khả năng của phụ nữ trong xã hội.

Thực tế trên đặt ra nhu cầu cấp thiết phải nghiên cứu tìm ra các giải pháp tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị, qua đó giúp phụ nữ tham gia và đóng góp ngày càng hiệu quả hơn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của đất nước, cũng như bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế có liên quan của Nhà nước ta, mà một trong những hướng tiếp cận cơ bản là hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật trên lĩnh vực này. Vì vậy, tác giả chọn đề tài: *"Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang"* làm đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quyền con người Thông qua nghiên cứu trường hợp ở một tỉnh cụ thể, luận văn hướng tới góp phần đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong những năm gần đây, đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu về vấn đề quyền chính trị của phụ nữ ở Việt Nam, tiếp cận từ nhiều khía cạnh như quyền bầu cử, ứng cử; quyền tham gia vào quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội của phụ nữ; quyền tham gia chính trị của phụ nữ, quyền bình đẳng giới. Tiêu biểu trong đó có thể kể như: *"Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ trong bối*

*cảnh toàn cầu hóa ở nước ta hiện nay*" của Trần Thị Hoè [9], *"Quyền bầu cử và ứng cử của công dân trong chế độ ta"* của Đàm Văn Hiếu [8]; *"Công ước về việc loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ"* của Ngô Bá Thành [23]; *"Phụ nữ: những ưu ái và thiệt thòi- nhìn từ góc độ xã hội, pháp lý"* của Hoàng Thị Kim Quế [21]; *"Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới"* của Hà Thị Khiết [14].

Các bài viết, công trình nghiên cứu nói trên đã đề cập một số khía cạnh liên quan đến đề tài luận văn. Tuy nhiên, hầu như chưa công trình nghiên cứu nào trực tiếp đề cập vấn đề bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ tại một địa bàn cụ thể. Chưa có công trình nghiên cứu nào lấy chủ đề là việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang. Đó chính là một trong những lý do thôi thúc tác giả lựa chọn chủ đề luận văn nhằm tiến hành nghiên cứu có hệ thống các vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang và đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Bắc Giang nói riêng, ở Việt Nam nói chung.

Có thể khẳng định đề tài *"Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ, từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang"* là công trình khoa học độc lập, không trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã được công bố. Trong quá trình nghiên cứu những nội dung của đề tài, tác giả có kế thừa, tham khảo kết quả nghiên cứu ở các công trình khoa học đi trước.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích của luận văn***

Mục đích tổng quát của luận văn là xây dựng luận cứ khoa học cho các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang nói riêng, trên phạm vi cả nước nói chung, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của đất nước và các chuẩn mực pháp luật quốc tế về quyền con người.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Phân tích khái quát các khía cạnh lý luận của việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ;

- Tập hợp và phân tích hệ thống các quy phạm pháp luật quốc gia và quốc tế liên quan đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ;

- Phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang nhằm xác lập cơ sở thực tiễn cho các đề xuất tăng cường bảo

đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và trên phạm vi cả nước trong giai đoạn hiện nay.

- Xác định hệ thống quan điểm và đề xuất các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang và trên phạm vi toàn quốc trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN cũng như xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

- Các Văn kiện chính trị - pháp lý quốc tế về quyền con người và quyền của phụ nữ;

- Hệ thống chính sách, pháp luật Việt Nam về quyền con người và quyền tham gia chính trị của phụ nữ;

- Thực trạng bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang.

##### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Phạm vi của luận văn bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang là một vấn đề có phạm vi rộng, không chỉ liên quan đến pháp luật, mà còn gắn liền với nhiều lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, với khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu về kết quả và hạn chế việc bảo đảm các quyền chính trị cơ bản của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang, trong đó tập trung vào các quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; quyền tham gia quản lý nhà nước, xã hội và quyền tham gia các tổ chức chính trị - xã hội.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### ***5.1. Cơ sở lý luận***

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước và pháp luật trong sự nghiệp đổi mới, đặc biệt là đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng về nhận thức chính trị, về quyền chính trị của phụ nữ trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

##### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Các phương pháp cụ thể mà tác giả sử dụng để nghiên cứu đề tài bao gồm phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, so sánh, thống kê.



Luận văn đặc biệt chú ý sử dụng phương pháp đa ngành khoa học xã hội và liên ngành luật học trong quá trình làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- *Trên phương diện lý luận và pháp luật*, luận văn tiếp cận nghiên cứu về bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang thông qua việc gắn các quy định pháp luật có liên quan với vấn đề bình đẳng giới và quyền của phụ nữ trong pháp luật quốc tế. Luận văn lần đầu tiên khái quát hóa, phân tích và đánh giá một cách có hệ thống các quy phạm pháp luật hiện hành về quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang cũng như việc thực hiện những quy định này trong thực tế.

- *Trên phương diện thực tiễn*, luận văn đề xuất và luận giải những giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang hiện nay. Những đề xuất đó có giá trị tham khảo khi xây dựng các phương án lập pháp và phương án chỉ đạo thực tiễn trong quá trình tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

- *Ngoài ra*, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, đào tạo, phổ biến về quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về bảo đảm quyền tham gia chính trị của Phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.*

*Chương 2: Thực trạng bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang.*

*Chương 3: Quan điểm và giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang.*

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của quyền tham gia chính trị của phụ nữ

##### 1.1.1. Khái niệm quyền tham gia chính trị của phụ nữ

Trước khi làm rõ khái niệm quyền tham gia chính trị của phụ nữ, cần phải làm rõ các khái niệm chính trị, quyền tham gia chính trị. Chính trị là một khái niệm vừa phản ánh quy luật phát triển của lịch sử, vừa mang tính triết học. Do vậy, xét từ góc độ khoa học lịch sử, chính trị luôn là nội dung bao hàm trong mọi cuộc đấu tranh giai cấp, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và xã hội. Xét ở nội dung này, chính trị là nghệ thuật giành và giữ quyền lực. Chính trị không tách khỏi lịch sử phát triển của mọi xã hội và đấu tranh giai cấp. Xét từ góc độ triết học, chính trị được cho là sự tham gia vào các công việc của nhà nước, việc quy định những hình thức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước. Lĩnh vực chính trị bao hàm các vấn đề chế độ nhà nước, quản lý nhà nước, lãnh đạo các giai cấp, vấn đề đấu tranh đảng phái...[24, tr.161]. Nói cách khác, nói đến chính trị là nói đến quyền lực nhà nước. Như vậy, xét ở góc độ chung nhất, chính trị thực chất là quan hệ giữa giai cấp cầm quyền với các giai cấp khác trong xã hội mà nội dung của quan hệ đó là vấn đề chính quyền thuộc về ai, của ai và vì ai. Xét ở góc độ riêng, chính trị thực sự có nghĩa khi nó được hiện thực hóa gắn với chủ thể là con người, là giai cấp cụ thể. Ở con người đều có khát vọng về quyền, đó là vốn có tự nhiên. Sự kết hợp giữa nội dung chính trị với bản chất của quyền con người là cơ sở dẫn đến quyền chính trị. Với khái niệm chính trị trong trường hợp sử dụng ở luận văn này, chúng tôi đồng nhất sử dụng với khái niệm tham gia chính trị. Tham gia chính trị là sự thể hiện hành động công dân thực hiện quyền của mình trong lĩnh vực chính trị.

Từ trước đến nay có nhiều định nghĩa khác nhau về quyền tham gia chính trị. Trên những nét chung nhất, có thể rút ra định nghĩa về quyền tham gia chính trị như sau: *Quyền tham gia chính trị là một trong những quyền quan trọng nhất của công dân, được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ; nó xác lập năng lực pháp lý của công dân trong việc tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.*

Theo khái niệm trên, chủ thể hưởng thụ quyền là công dân, tức bao gồm tất cả những người có quốc tịch của một quốc gia, không phân biệt giới tính, độ tuổi,

chủng tộc, tôn giáo... Như vậy, nội hàm của quyền tham gia chính trị của phụ nữ cũng chính là nội hàm của khái niệm quyền tham gia chính trị, được áp dụng cho một chủ thể đặc biệt là phụ nữ trên tinh thần bình đẳng giới. Từ đó, có thể nêu định nghĩa như sau: *Quyền tham gia chính trị của phụ nữ là một trong những quyền con người quan trọng nhất của phụ nữ, được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ; nó xác lập năng lực pháp lý bình đẳng của phụ nữ với nam giới trong việc tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.*

Quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc tham gia chính trị thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị. Quyền dân sự, chính trị là quyền cơ bản của cá nhân và nhóm xã hội chỉ ra việc khẳng định và thụ hưởng những nhu cầu, giá trị về tự do và tham gia vào đời sống chính trị. Các quyền này được nêu trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966, bao gồm quyền sống, quyền tự do tư tưởng, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do ngôn luận, quyền bầu cử, ứng cử, quyền tự do hội họp, lập hội một cách hòa bình... [7, tr.20]

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ có nghĩa là sự ngang nhau, sự tương đồng, được coi trọng như nam giới khi tham gia chính trị. Sự thụ hưởng của nam giới và nữ giới như nhau về các thành quả một cách bình đẳng trong tham gia chính trị. Theo điều 5, điều 6 Luật bình đẳng giới số 73/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI, ngày 29 tháng 11 năm 2006: “*Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó*” và “*Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển*” [20].

### **1.1.2. Đặc điểm quyền tham gia chính trị của phụ nữ**

Phụ nữ với tư cách là công dân nên có đầy đủ những quyền của một công dân, trong đó có quyền tham gia chính trị. Vì thế, khi công nhận quyền công dân, quyền bình đẳng của phụ nữ là phải công nhận vị thế, vai trò và quyền tham gia chính trị của phụ nữ như công dân là nam giới. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân như lịch sử, xã hội và văn hóa, trên thực tế, có những định kiến coi thường phụ nữ vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong đời sống chính trị - xã hội. Hiến pháp và pháp luật mặc dù đã có ghi nhận quyền bình đẳng nam nữ nhưng do những định kiến về phụ

nữ cho nên việc tham gia chính trị của phụ nữ ở nhiều nước vẫn còn gặp nhiều trở ngại. Chính vì thế, ngoài những quy định chung về quyền con người, quyền công dân, pháp luật còn có những quy định riêng dành cho phụ nữ, bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Pháp luật đã ghi nhận, cụ thể hóa quyền tham gia chính trị của phụ nữ, đồng thời quy định những thiết chế bảo đảm thực hiện những quyền đó trong thực tế.

*1. Quyền tham gia chính trị của phụ nữ là quyền tổng hợp, thuộc nhóm quyền chính trị của con người.*

Trong nhóm quyền chính trị của con người luôn quy định quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 và các văn kiện pháp lý quốc tế khác, nhóm quyền dân sự, chính trị được xếp vào thể hệ nhân quyền thứ nhất. Các quyền này mang tính tuyệt đối và được thực hiện không điều kiện, không phân biệt đối tượng chủ thể. Quyền chính trị là những nhu cầu, những lợi ích chính trị tự nhiên vốn có và khách quan của con người, quyền tự do ý kiến và biểu đạt, quyền tự do lập hội, quyền tự do lập hội một cách hoà bình, quyền tham gia vào đời sống chính trị được ghi nhận, đảm bảo, bảo vệ trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Như vậy, quyền tham gia chính trị là một bộ phận cấu thành quyền con người, đó là nhóm quyền chung, mang ý nghĩa rộng nhưng là quyền cơ bản trong quyền con người. Việc xác lập quyền tham gia chính trị của phụ nữ không chỉ thể hiện ở hiến pháp của mỗi nước mà còn thể hiện và quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác như...nhằm mục đích bảo vệ và bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Nói tóm lại, quyền tham gia chính trị của phụ nữ là quyền tổng hợp, thuộc nhóm quyền chính trị của con người là sự tổng hợp của nhiều quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau nhằm bảo vệ và bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ được thực hiện trên thực tế và hiệu quả.

*2. Quyền tham gia chính trị của phụ nữ là quyền chịu nhiều tác động của các yếu tố về giới, yếu tố dân tộc, kinh tế, pháp luật...dẫn đến khó thực hiện .*

Dù đã được thể hiện trong nhiều văn kiện luật và trải qua một quá trình lịch sử, nhưng quyền tham gia chính trị của phụ nữ khác với nhóm quyền khác ở chỗ chịu nhiều tác động bởi các yếu tố dân tộc, kinh tế, pháp luật...nên việc thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở các quốc gia có sự khác nhau về số lượng và chất lượng.

3. *Quyền tham gia chính trị của phụ nữ là sự kết hợp hài hòa giữa các quy định pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, là biểu hiện của sự tiếp thu tư tưởng tiến bộ của pháp luật quốc tế về quyền tham gia chính trị của phụ nữ kết hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế... của mỗi quốc gia.*

Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ không chỉ là mối quan tâm và trách nhiệm của riêng một quốc gia nào riêng biệt, nó đã trở thành nghĩa vụ và trách nhiệm chung của cả cộng đồng quốc tế. Cộng đồng quốc tế đã thông qua nhiều văn kiện pháp lý thể hiện tư tưởng tiến bộ của nhân loại về giải phóng phụ nữ, bảo đảm sự bình đẳng và nâng cao địa vị của phụ nữ.

4. *Ở Việt Nam, quyền tham gia chính trị của phụ nữ sớm được thừa nhận và bảo đảm thực hiện.*

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, ngay sau khi Nhà nước ta giành được độc lập, tại phiên họp Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Tôi đề nghị chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đều phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền bầu cử và ứng cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống”*...[16, tr.8]. Như vậy, phụ nữ Việt Nam đã sớm được công nhận quyền tham gia chính trị ngay trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của dân tộc. Đồng thời, nhiều phụ nữ đã tham gia vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ngay từ khóa đầu tiên sau khi thành lập nước, tạo nền tảng cho sự thực hiện quyền bình đẳng về chính trị cho phụ nữ Việt Nam. Cùng với việc xác lập từ luật pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Phụ nữ cứu quốc được thành lập đã tập hợp tầng lớp phụ nữ tham gia chính trị trong kháng chiến giải phóng dân tộc. Hiến pháp năm 1946, là Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có Điều 9: *“Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”*. *“Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa”* (Điều 6). Những quy định trên đánh dấu bước một, là nền tảng quan trọng xác lập về địa vị của người phụ nữ Việt Nam. Hiến pháp Mỹ soạn thảo năm 1787 (có hiệu lực năm 1789) thì đến năm 1920 (sau 133 năm), phụ nữ nước Mỹ mới được ghi nhận có quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử, ứng cử. Ở nước Anh, phụ nữ được công nhận quyền bầu cử vào năm 1928. Ở nước Pháp đến năm 1944, phụ nữ Pháp mới được thừa nhận quyền bầu cử, ứng cử. Phụ nữ Thụy Sĩ đến năm 1971 mới được đi bầu cử [27]... Từ những sự kiện trên có thể khẳng định không phải quốc gia nào trên thế

giới thực hiện được ngay quyền chính trị của phụ nữ kể cả những nước có lịch sử luật pháp được coi là văn minh, tiên tiến.

Trên cơ sở những nguyên tắc hiến định của Hiến Pháp năm 1946, các Hiến pháp 1959, 1980 được bổ sung và ban hành cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước, trong đó, các quy định về quyền tham gia bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị không ngừng được mở rộng và bổ sung qua các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi.

*5. Quyền tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam có phạm vi rộng, hàm chứa các quyền chính trị cơ bản của con người.*

Trong số những văn kiện pháp lý quốc tế quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về quyền tham gia chính trị của phụ nữ, Việt Nam đã gia nhập và phê chuẩn hai công ước quan trọng nhất có liên quan là: Công ước ICCPR và Công ước CEDAW. Trong quá trình xây dựng pháp luật, Nhà nước Việt Nam luôn xem xét khả năng thể chế hóa những quy định tiến bộ của pháp luật quốc tế vào hệ thống pháp luật quốc gia. Đây cũng là một phần trong trách nhiệm quốc gia khi Việt Nam gia nhập và phê chuẩn những công ước này. Bên cạnh đó, khi xây dựng pháp luật, chúng ta cũng dựa vào đặc thù truyền thống văn hóa của Việt Nam để điều chỉnh và thông qua những quy định pháp luật phù hợp. Chính vì thế, pháp luật Việt Nam thể hiện tư tưởng tiến bộ, có tính phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam và mang ý nghĩa nhân văn. Các quy phạm pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ trong hệ thống pháp luật Việt Nam thể hiện rõ phạm vi rộng, hàm chứa quyền chính trị cơ bản của con người.

Điều 28 (sửa đổi, bổ sung Điều 54 của Hiến pháp 1992 quy định: “Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp”.

Từ những quy định của Hiến pháp, Nhà nước ta đã sửa đổi, ban hành nhiều bộ luật mới, quan trọng như: Bộ Luật dân sự, Luật Quốc tịch, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật bầu cử Quốc hội, Luật Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Luật bình đẳng giới... tạo cơ sở pháp lý quan trọng có việc ghi nhận, bảo vệ và thực hiện quyền tham gia chính trị bình đẳng giữa nam và nữ.

Những chủ trương, chính sách và các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước ta đã tạo ra một bước chuyển biến mới cả về lượng và chất trong việc bảo đảm quyền tham gia chính trị bình đẳng của phụ nữ ở nước ta, tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho việc thực thi quyền bình đẳng nam nữ trên thực tế.

### ***1.1.3. Vai trò quyền tham gia chính trị của phụ nữ***

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ có vai trò quan trọng trong quyền bình đẳng giới giữa nam và nữ. Khi phụ nữ có sự bình đẳng như nam giới về điều kiện, cơ hội trong tham gia bầu cử, ứng cử; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội thì sự bình đẳng giữa nam và nữ là sự tiến bộ của phụ nữ được công nhận.

*Thứ nhất*, đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ là tiền đề bảo đảm quyền cơ bản của con người như: quyền con người về chính trị, kinh tế, lao động... Đây là cách để thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước đồng thời là bảo đảm về cơ hội để thụ hưởng những quyền này của con người nhằm chống lại sự hạn chế, tước đoạt chúng vì lý do bất bình đẳng giới. Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào kể từ khi xuất hiện nhà nước và giai cấp, pháp luật luôn là công cụ để thể chế hóa đường lối, chủ trương và chính sách của giai cấp cầm quyền. Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Do vậy, đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ thể hiện sự thể chế hóa đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng về quyền chính trị của phụ nữ.

*Thứ hai*, quyền tham gia chính trị của phụ nữ ghi nhận và củng cố thành quả của cuộc cách mạng nữ quyền trên thế giới cũng như Việt Nam. Sự tồn tại lâu dài trong định kiến về giới, về sự trọng nam khinh nữ là hệ quả của hàng ngàn năm lịch sử đã làm cho phụ nữ ở trên thế giới trong đó có Việt Nam luôn bị hạn chế so với nam giới. Đó là nguyên nhân tác động đến cách mạng nữ quyền trên thế giới bùng nổ. Bên cạnh việc đòi hỏi quyền bỏ phiếu và nắm giữ các chức vụ công quyền, những người tham gia biểu tình còn đòi hỏi quyền làm việc của phụ nữ, quyền học hành, đào tạo, xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ và bình đẳng giới trong lao động. Hiện nay, phong trào nữ quyền trên thế giới ngày càng phát triển và được khích lệ bởi các công ước quốc tế cũng như các Hội nghị Phụ nữ toàn cầu của Liên Hợp Quốc. Những văn kiện, hội nghị này đề cao sự phát triển của phụ nữ, hỗ trợ các quyền và sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị.

*Thứ ba*, quyền tham gia chính trị của phụ nữ thực hiện tốt sẽ thể hiện trình độ văn minh dân chủ, chứng minh bản chất tiến bộ của chế độ xã hội chủ nghĩa. Lênin

là người thầy của cách mạng vô sản đã khẳng định: “*Địa vị của phụ nữ về mặt pháp lý là cái tiêu biểu cho trình độ văn minh*” [33.tr.22]. Vì thế, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được tiến hành với chủ trương: “*Thủ tiêu chế độ đẳng cấp; quyền bình đẳng hoàn toàn của mọi công dân, không phân biệt trai gái, tôn giáo, chủng tộc*”... và quan điểm “*Giai cấp vô sản sẽ không đạt được tự do hoàn toàn, nếu không giành được tự do hoàn toàn cho phụ nữ*”[34.tr.263]. Nguyên tắc đầu tiên của bất kỳ nền dân chủ nào là mọi công dân đều có quyền tiếp cận quyền lực nhà nước bình đẳng. Vì vậy, giải phóng phụ nữ, bảo đảm địa vị chính trị bình đẳng của phụ nữ ngang với nam giới là tiêu chuẩn để đánh giá trình độ văn minh, dân chủ của chế độ.

*Thứ tư*, quyền tham gia chính trị của phụ nữ tạo cơ sở cho việc phát huy tiềm năng của phụ nữ vào sự phát triển đất nước. Nghị quyết số 11- NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH- HĐH đất nước đã xác định: “*Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới*”. Theo đó, bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ nhằm phát huy vai trò, tiềm năng của phụ nữ vì sự phát triển của đất nước chính là thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu cách mạng ở nước ta hiện nay.

## **1.2. Nội dung quyền tham gia chính trị của phụ nữ**

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ là loại quyền tổng hợp, hàm chứa trong đó các quyền chính trị cụ thể. Đề cập nội dung quyền tham gia chính trị của phụ nữ thực chất là đề cập sự ghi nhận của pháp luật về năng lực và tư cách pháp lý bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Về cơ bản, quyền tham gia chính trị của phụ nữ cũng chính là quyền tham gia chính trị của công dân ở mỗi quốc gia, bao gồm:

### **1.2.1. Quyền bầu cử, ứng cử**

Quyền bầu cử, ứng cử là một quyền nằm trong nhóm quyền chính trị, bao gồm quyền đề cử, bỏ phiếu và quyền được bầu vào cơ quan đại diện. Đây là một trong những quyền chính trị quan trọng của phụ nữ. Thông qua bầu cử, ứng cử, nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng thể hiện ý chí của mình, lựa chọn người đại diện có đủ năng lực cả về trí tuệ và đạo đức để ủy quyền cho họ thực hiện chủ quyền (chủ quyền của nhân dân). Vì thế, bầu cử được cộng đồng thế giới công nhận là



phương pháp để hợp thức hóa chính quyền [1]. Quyền bầu cử, ứng cử của công dân được xem là một quyền không thể thiếu trong đời sống chính trị. Đảm bảo được quyền bầu cử, ứng cử cho công dân có nghĩa là Chính phủ đó đã thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ghi nhận địa vị pháp lý bình đẳng giữa nam và nữ bằng việc khẳng định: “*Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình*” và “*Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*” [18, tr.8], Hiến pháp năm 1946 đã mở ra một triển vọng hết sức tươi sáng cho giới nữ. Đồng thời, qua quy định này, có thể khẳng định với thế giới: phụ nữ Việt Nam đứng ngang hàng với đàn ông để hưởng mọi quyền tự do công dân. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước dân chủ nhân dân những cũng là bản Hiến pháp hết sức tiến bộ, nó đã đặt nền móng tạo quyền cho phụ nữ tham gia mọi mặt hoạt động của đất nước một cách bình đẳng, mà trước hết là quyền bình đẳng với nam giới trong đời sống chính trị và cộng đồng. Các bản Hiến pháp từ năm 1946 đến năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và các luật về bầu cử như Luật bầu cử Đại biểu Quốc hội (sửa đổi năm 2001), Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi năm 2001), đó là quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong bầu cử và ứng cử. Theo Hiến pháp và các luật kể trên thì công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trừ những người bị pháp luật hoặc tòa án nhân dân tước các quyền đó. Như vậy, theo pháp luật Việt Nam, trong việc tham gia và đời sống chính trị của đất nước, phụ nữ luôn được nhìn nhận ở vị trí công dân ngang với nam giới. Điều này có nghĩa là phụ nữ được hưởng tất cả các quyền mà công dân có, và không có sự phân biệt đối xử khác với nam giới trong việc bầu cử, ứng cử vào các cơ quan nhà nước. Lần đầu tiên, Luật bầu cử Quốc hội đã có một điều khoản riêng liên quan đến số lượng nữ Đại biểu Quốc hội. Theo Luật này, để đảm bảo số lượng đại biểu trong Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có quy định khung về tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội. Đây là việc làm rất cần thiết vì đối với Việt Nam do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo để lại vẫn còn có sự định kiến “*Trọng nam khinh nữ*”. Việc đặt ra

tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội đã tạo cho phụ nữ có cơ hội tiến nhanh, bình đẳng với nam giới. Tuy nhiên, việc đặt ra tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội và nữ Đại biểu Hội đồng nhân dân phần nào đã làm giảm khả năng đóng góp của phụ nữ vì nếu đặt ra một tỷ lệ cố định, trong khi đó số lượng phụ nữ đáp ứng đủ điều kiện bầu cử và ứng cử cao thì chắc chắn tỷ lệ đặt ra đã hạn chế tiềm năng và năng lực của phụ nữ.

Bên cạnh việc khẳng định sự bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới về bầu cử và ứng cử, pháp luật hiện hành còn một số quy định khác nhằm đảm bảo quyền bầu cử và ứng cử của công dân nói chung và phụ nữ nói riêng trên thực tế. Nhằm đảm bảo cho phụ nữ không bị phân biệt đối xử trong các cuộc bầu cử và ứng cử, Bộ luật hình sự hiện hành của Việt Nam (ban hành tháng 12 năm 1999) có điều khoản quy định phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm đối với người xâm phạm quyền bầu cử của công dân (Điều 126) và quy định việc phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm đối với người dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ, trong đó có quyền tham gia vào hoạt động chính trị (Điều 130). Những quy định này hết sức cần thiết và đã góp phần tích cực vào việc thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân, đặc biệt là phụ nữ.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010 trong Quyết định số 19/2002-QĐ/TTg ngày 21 tháng 1 năm 2002. Chiến lược này đề ra nhiều mục tiêu, giải pháp thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong đó có *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để tăng số phụ nữ được giới thiệu và bầu tham gia lãnh đạo các cấp, các ngành”*. Như vậy, chiến lược đã cụ thể hóa rõ hơn các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị trí của người phụ nữ trong xã hội nói chung và trong đời sống chính trị nói riêng. Địa vị của người phụ nữ, đặc biệt là địa vị chính trị trong xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến tương lai của các thế hệ con người Việt Nam. Do vậy, việc phê duyệt chiến lược của Chính phủ đã tiếp tục khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta để từng bước thực hiện mục tiêu bình đẳng nam nữ.

### ***1.2.2. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội***

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của phụ nữ thể hiện vị trí, vai trò của phụ nữ trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội ngang quyền với nam giới trong đào tạo, quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm. Điều 53, Hiến pháp 1992 quy định:

*“Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý”* [18, tr.8]. Quy định trên đã tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ tham gia quản lý nhà nước và xã hội và đã thu được nhiều kết quả.

Chính sách về tăng cường đội ngũ cán bộ nữ đã được thể hiện rất cụ thể và rõ ràng trong một số Nghị quyết của Đảng như Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 7 tháng 6 năm 1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ; Nghị quyết số 04- NQ/TW ngày 12 tháng 7 năm 1993 của Bộ Chính trị *“Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 29 tháng 9 năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị *“Về đổi mới, tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 1994 của Ban Bí thư Trung ương *“Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”*... Trong các chỉ thị, nghị quyết này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ việc tiếp tục nâng cao nhận thức, quan điểm đối với vấn đề cán bộ nữ và từ đó đưa ra phương hướng tăng cường cán bộ nữ như: phải tuyển chọn cán bộ nữ từ những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa, nhất là trong công nhân đã trải qua rèn luyện trong thực tế phong trào cách mạng của quần chúng; phải quyết tâm và có kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng chị em có đủ năng lực, phẩm chất, trên cơ sở đó mà đề bạt một cách vững chắc; phải có cán bộ nữ ở những vị trí chủ chốt cần thiết, nhất là ở những lĩnh vực mà cán bộ nữ có nhiều điều kiện phát huy khả năng; nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành; xây dựng chính sách tạo điều kiện cho cán bộ nữ làm việc và khuyến khích tài năng nữ phát triển; đẩy mạnh công tác phát Đảng trong phụ nữ...

Để các chính sách trên của Đảng thực sự đi vào cuộc sống, hàng loạt các văn bản hướng dẫn của Chính phủ đã được ban hành. Đó là Nghị quyết số 176<sup>a</sup>-HĐBT ngày 24 tháng 12 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phát huy vai trò và năng lực của phụ nữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Nghị định số 19/2003-NĐ/CP của Chính phủ ngày 7 tháng 3 năm 2003 quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước tạo điều kiện cho các cấp Hội Phụ nữ hoạt động và tham gia quản lý nhà nước;

Quyết định số 72- QĐ/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam; Chỉ thị số 646- CT/TTG ngày 7 tháng 11 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức hoạt động vì sự tiến bộ của các Bộ, ban, ngành và địa phương... Trong các văn bản này, Chính phủ quy định rõ: Trong Hội đồng nhân dân các cấp, nhất thiết phải có ít nhất 1/3 đại biểu là nữ; Ủy ban nhân dân các cấp nhất thiết phải có một số nữ ủy viên và cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực vào các cương vị chủ chốt như chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thường trực. Ngoài ra, các văn bản này còn quy định cụ thể hơn đối với những ngành mà số lao động nữ chiếm trên 50 % và những ngành có liên quan nhiều tới lợi ích của phụ nữ và trẻ em như giáo dục, văn hóa, thông tin, y tế, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm... Đối với những ngành này nhất thiết phải có cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực tham gia lãnh đạo. Vì họ đại diện cho số đông phụ nữ, hơn ai hết họ hiểu tâm lý, ưu khuyết điểm của chị em để phát huy ưu điểm hạn chế khuyết điểm. Đặc biệt, trong Nghị định số 19/2003-NĐ/CP ngày 7 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước. Cụ thể: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có những trách nhiệm: Khi xây dựng kế hoạch nhà nước hoặc có chủ trương giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em đều phải bàn với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp hay tổ chức các cuộc làm việc định kỳ (3- 6 tháng) giữa các cấp chính quyền và Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp để nghe thông báo về tình hình hoạt động của Hội và tình hình thực hiện những chế độ, chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em... Những quy định này đã giúp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao là cơ quan tham mưu và giúp việc cho Chính phủ trong việc bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, đồng thời đã phát huy được vai trò và năng lực của phụ nữ trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội, trong quản lý kinh tế quản lý nhà nước.

Bên cạnh những văn bản hướng dẫn trên, Chính phủ đã đưa ra một số biện pháp về tổ chức nhằm hỗ trợ và tăng cường cho quá trình thực hiện mục tiêu giải phóng phụ nữ và bảo đảm thực hiện bình đẳng nam nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chẳng hạn, Thủ tướng Chính phủ ban hành **Quyết định số 72/TTg ngày 25 tháng 2 năm 1993 thành lập Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Ủy ban này có nhiệm vụ** tuyên truyền rộng rãi nội dung của Công ước CEDAW,

sau khi đã được Chính phủ Việt Nam phê chuẩn ngày 27 tháng 11 năm 1981. Đồng thời, Ủy ban này còn có quyền kiến nghị với Nhà nước về chính sách, biện pháp để thực hiện Công ước CEDAW và các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước đối với phụ nữ; tổ chức, phối hợp với các cơ quan có liên quan để hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện tốt, luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với phụ nữ. Bên cạnh đó, Ủy ban này có trách nhiệm báo cáo định kỳ (ít nhất 4 năm một lần) về tình hình thực hiện Công ước CEDAW lên Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ... Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ còn ban hành **Chỉ thị số 646-TTg ngày 7 tháng 11 năm 1994 “Về tổ chức và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các Bộ, ngành và địa phương”**. Theo văn bản này, để tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị cho mỗi bộ, Ủy ban nhà nước...trực thuộc Chính phủ có trách nhiệm phân công một đại diện lãnh đạo cơ quan phụ trách công tác này và có một bộ phận giúp việc như Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban Nữ công...Có thể nói, việc ban hành các quyết định và chỉ thị trên thực hiện được mục tiêu *“Nâng cao được vai trò và vị trí của phụ nữ trong việc tham gia bộ máy lãnh đạo và ra quyết định”* [15, tr.83].

Bên cạnh các văn bản dưới luật, Nhà nước Việt Nam còn ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến vấn đề tuyển chọn, bổ nhiệm nhân sự vào các cương vị công tác trong hệ thống cơ quan nhà nước, kể cả phụ nữ như Pháp lệnh Cán bộ Công chức năm 1998 (Sửa đổi, bổ sung năm 2003); Pháp lệnh về Hàm cấp Ngoại giao (ban hành ngày 31 tháng 5 năm 1995) hay các văn bản pháp luật quy định về những tiêu chuẩn làm một số nghề tương đối đặc biệt trong bộ máy nhà nước như Pháp lệnh về Thẩm phán và Hội thẩm Toà án nhân dân ban hành ngày 4 tháng 10 năm 2002 và Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân ban hành ngày 4 tháng 10 năm 2002... Đó là những điểm tiến bộ của Nhà nước Việt Nam. Vì trong các văn bản này không có bất cứ một điều khoản nào ngăn cản, hạn chế hoặc phân biệt đối xử với phụ nữ kể cả đối với những ngành nghề vốn được coi là dành riêng cho nam giới, trong khi đó, ở một số nước trên thế giới lại chỉ cho phép nam giới được làm Thẩm phán, Kiểm sát viên.

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho phụ nữ được tham gia bình đẳng, dân chủ bàn bạc và quyết định một số vấn đề về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, cơ sở cũng như quyền lợi của người dân, Chính phủ Việt Nam còn ban hành ba loại quy

ché thực hiện dân chủ ở cơ sở, đó là Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước. Việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần giúp phụ nữ tham gia trực tiếp vào quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của địa phương.

Tham gia quản lý nhà nước và xã hội của phụ nữ Việt Nam còn được thể hiện trong việc thảo luận, đóng góp ý kiến về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, đóng góp ý kiến về xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, xã hội của nhà nước, trường học, khu dân cư; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội. Những hoạt động trên của phụ nữ góp phần bảo đảm và phát huy một cách tốt nhất quyền bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực tham gia hoạt động chính trị.

### ***1.2.3. Quyền tham gia các tổ chức chính trị - xã hội của phụ nữ***

Quyền tham gia các tổ chức chính trị - xã hội là sự thể hiện vai trò, vị trí của phụ nữ trong các tổ chức chính trị - xã hội không có phân biệt đối xử. Tham gia các tổ chức chính trị được coi là một trong những hoạt động của quyền tự do lập hội. Theo Hiến pháp Việt Nam, quyền tự do lập Hội của công dân Việt Nam là một trong những quyền chính trị quan trọng. Vì vậy, quyền tự do lập hội được ghi nhận khá đầy đủ và cụ thể trong các bản Hiến pháp 1959, 1980 và 1992. Cụ thể, Điều 69 của Hiến pháp năm 1992 (Sửa đổi) đã quy định việc Công dân Việt Nam có quyền lập hội theo quy định của pháp luật. Phụ nữ được pháp luật thừa nhận với tư cách là công dân. Do đó, có thể nhận thấy không có bất cứ sự phân biệt nam nữ nào trong quy định của Hiến pháp đối với quyền này. Luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Điều lệ của các đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân... Điều lệ của các tổ chức chính trị xã hội khác và Hội nghề nghiệp như Hội Luật gia, Hội làm vườn, Hội Cựu giáo chức... đều không có bất cứ một điều khoản nào phân biệt hoặc hạn chế hội viên là giới nữ hoặc trở thành lãnh đạo của các tổ chức đó. Ví dụ như Điều 1 của Điều lệ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định về điều kiện trở thành đoàn viên công đoàn như sau: Tất cả công nhân, lao động Việt Nam không phân biệt nghề nghiệp, nam nữ, tín ngưỡng, đủ tuổi làm công trong các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội... nếu tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam... thì được gia nhập Công đoàn... Hay, Điều 5 tại Điều lệ của Hội Liên hiệp

Thanh niên Việt Nam quy định về điều kiện kết nạp hội viên như sau: Công dân Việt Nam, là thanh niên Việt Nam từ 15 đến 35 tuổi, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội...nếu tự nguyện gia nhập Hội thì được xét công nhận là hội viên. Thông qua các quy định trên, có thể thấy điều kiện gia nhập các Hội rất bình đẳng, không có bất cứ điều kiện riêng hay các thủ tục phức tạp nào gây khó khăn cho công dân nói chung hay phụ nữ nói riêng. Phụ nữ có quyền tham gia bất cứ Hội nào nếu họ có nguyện vọng và đủ điều kiện. Đồng thời, họ có thể tự ứng cử hoặc được đề cử vào chức danh lãnh đạo của các Hội nếu đáp ứng yêu cầu của các Hội.

Đối với một số tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đặc thù, ngoài các quy định thông thường, có thể thêm một số điều kiện để trở thành hội viên của Hội. Như vậy, nhìn vào các quy định của các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức xã hội- nghề nghiệp, có thể thấy Việt Nam là một nước có cơ sở pháp lý thuận lợi, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia các tổ chức này trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

### **1.3. Các điều kiện bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ**

#### ***1.3.1. Điều kiện chính trị***

Điều kiện chính trị là toàn bộ các yếu tố tạo nên đời sống chính trị của xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, bao gồm môi trường chính trị, hệ thống các chuẩn mực chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và quá trình tổ chức thực hiện chúng; các quan hệ chính trị và ý thức chính trị; hoạt động của hệ thống chính trị; cùng với đó là nền dân chủ xã hội và bầu không khí chính trị - xã hội. Yếu tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật, đặc biệt là các cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật. Điều kiện chính trị chính là môi trường chính trị, đó là điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn đối với hoạt động thực hiện pháp luật. Trong đó Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng phái đã có ảnh hưởng rất quan trọng tới hoạt động thực hiện pháp luật. Trong điều kiện chính trị, ý thức chính trị cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thực hiện pháp luật. Nó phản ánh các quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia cũng như thái độ của các giai cấp đối với quyền lực nhà nước, thể hiện trực tiếp và tập trung nhất lợi ích giai cấp (hệ tư tưởng chính trị). Trong hoạt động thực hiện pháp luật, ý thức thể hiện, trước hết, ở việc các chủ thể có chức năng áp dụng pháp

luật quán triệt, thấm nhuần nhiệm vụ chính trị của mình, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát quá trình thực hiện, áp dụng pháp luật, giữ nghiêm kỷ cương, phép nước. Điều đó sẽ giúp cho hoạt động thực tiễn pháp luật thật sự đạt chất lượng, hiệu quả cao, khơi dậy ý thức, trách nhiệm chính trị của các chủ thể khác trong thực hiện pháp luật.

Ở nước ta, sự vận hành của hệ thống pháp luật trên các phương diện xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật luôn được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng muốn xây dựng được bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, vận hành trên cơ sở các nguyên tắc, quy định của pháp luật thì vấn đề thực hiện pháp luật một cách nhất quán, nghiêm minh từ phía cán bộ, đảng viên và nhân dân luôn được đặt lên vị trí hàng đầu. Muốn cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện nghiêm túc thì cán bộ đảng viên phải là những người đi trước, gương mẫu thực hiện và có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của đảng pháp luật của nhà nước, công tâm, thảo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân. Chính vì vậy, đảng ta luôn quan tâm và chỉ đạo sâu sát đối với các mặt hoạt động pháp luật trong đó có thực hiện pháp luật. Ở nước ta, hệ tư tưởng chính trị thể hiện trong cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng cũng như trong các chính sách, pháp luật của nhà nước dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội, vì lợi ích của đông đảo các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo từ công tác chính trị tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, lãnh đạo bằng cách chỉ đạo, trong khi đó Nhà nước quản lý và tổ chức thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng vừa lãnh đạo hệ thống chính trị do vậy sự lãnh đạo của Đảng có vai trò quan trọng trong việc định hướng, chỉ đạo sự tham gia chính trị của phụ nữ.

Từ rất sớm, trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã quan tâm đến quyền lợi chính trị của các tầng lớp nhân dân trong đó có phụ nữ. Các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc cùng đều từng bước khẳng định vị thế, vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội. Đồng thời cả hệ thống chính trị đã quan tâm đến sự tiến bộ của phụ nữ và đã thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đây là môi trường chính trị thuận lợi tác động đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ.



Từ sự phân tích ở trên có thể thấy, điều kiện chính trị có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Môi trường chính trị tốt sẽ góp phần vào sự tham gia chính trị của phụ nữ sẽ được thực hiện tốt hơn.

### ***1.3.2. Điều kiện pháp luật***

Là toàn bộ các yếu tố tạo thành môi trường pháp luật. Trong đó thực hiện việc ban hành hiến pháp, pháp luật đến việc phù hợp của luật pháp với đời sống xã hội và ý thức, sự thực thi pháp luật của công dân. Điều kiện pháp luật có vai trò quan trọng trong thượng tầng kiến trúc. Nó có thể tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều kiện pháp luật có vị trí quan trọng hàng đầu, là phương tiện chính thức hóa các giá trị của quyền con người, quyền bình đẳng giới trong đó có quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Các quyền đó đã được thể chế hóa và mang tính chất bắt buộc, được thừa nhận và bảo vệ. Nếu không có sự thừa nhận và thông qua pháp luật thì quyền tham gia chính trị của phụ nữ sẽ khó được bảo đảm. Ngược lại, quyền tham gia chính trị của phụ nữ khi đã được quy định trong pháp luật thì nó trở thành quyền pháp định, là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội thừa nhận và phục tùng, được nhà nước tôn trọng, bảo vệ. Khi quyền bình đẳng giới, trong đó có quyền tham gia chính trị của phụ nữ được quy định trong Hiến pháp và pháp luật thì nó sẽ trở thành tối thượng, có giá trị bắt buộc đối với toàn xã hội, ngay cả với cơ quan cao nhất của Nhà nước. Pháp luật là công cụ của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền tham gia chính trị của phụ nữ, được thể hiện ở các quy định, được bảo đảm bằng bộ máy, cách thức tác động của quyền lực nhà nước. Khi cần thiết thì Nhà nước sử dụng các biện pháp cưỡng chế trên cơ sở tiến hành các phương pháp giáo dục, thuyết phục bảo đảm cho nội dung quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực tham gia chính trị được bảo vệ. Bên cạnh đó, nhờ hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật mà mọi hành vi xâm phạm quyền bình đẳng giới đều có khả năng phát hiện và xử lý kịp thời. Pháp luật là tiền đề, là nền tảng tạo cơ sở pháp lý để công dân trong đó có nữ giới đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Ở đây, pháp luật còn là công cụ, vũ khí để mọi người trong xã hội nhìn nhận đồng thời để phụ nữ bảo vệ quyền bình đẳng của mình trong lĩnh vực chính trị. Tại khía cạnh này, pháp luật mang tính phổ biến, là chuẩn mực của sự công bằng do vậy có thể đo được hành vi của mọi người. Pháp luật là cơ sở, là căn cứ để cá nhân, tổ chức dựa vào đó đánh giá, kiểm tra, đối chiếu với các hành vi. Như vậy, pháp luật

không chỉ ghi nhận, cụ thể hóa quyền bình đẳng của phụ nữ mà còn quy định những thiết chế bảo đảm thực hiện những quyền đó trên thực tế.

Ở Việt Nam, pháp luật được coi trọng, đó là pháp luật xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật ở Việt Nam hiện nay được coi là phức tạp bên cạnh những ưu điểm còn có những lỗ hổng, nhiều quy định chồng chéo, thiếu tính khả thi... Từ điều kiện pháp luật như vậy sẽ tác động đến đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ được thuận lợi hơn hay khó khăn hơn. Nếu như Hiến pháp và pháp luật được ban hành phù hợp với đời sống xã hội, điều chỉnh phù hợp với các quan hệ xã hội trong đó có quy phạm điều chỉnh trong Luật bình đẳng giới đối với quyền tham gia chính trị của phụ nữ với chế tài, những quy định phù hợp, cụ thể sẽ góp phần đảm bảo thuận lợi cho quyền tham gia chính trị của phụ nữ được thực hiện tốt.

### ***1.3.3. Điều kiện tổ chức***

Điều kiện tổ chức là các yếu tố vận hành của bộ máy, hệ thống được hình thành trên các nguyên tắc tự nguyện, tự quản của người lao động được tổ chức và hoạt động theo điều lệ hay các quy định của nhà nước nhân danh tổ chức mình khi tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của các thành viên. Theo nguyên tắc hình thức tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội được chia thành các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức tự quản, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức quần chúng. Ở Việt Nam tổ chức của hệ thống chính trị bao gồm Đảng Cộng sản, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân... Điều kiện tổ chức có vai trò quan trọng tác động trực tiếp đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Để đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ không chỉ ban hành các văn bản pháp luật mà rất cần đến tổ chức vận hành, thực thi, chính sách, pháp luật đối nhằm bảo vệ quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Nếu tổ chức vận hành tốt sẽ tác động lớn đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ và ngược lại. Trong những năm qua, nhận thức được những hạn chế, tồn tại từ việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ, Đảng đã chỉ đạo thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ từ Trung ương tới cấp huyện. Qua đó từng bước củng cố, khắc phục những hạn chế của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đồng thời có những biện pháp phù hợp, từng bước đảm bảo quyền lợi của phụ nữ trong đó có quyền tham gia chính trị.

#### **1.3.4. Điều kiện kinh tế**

Điều kiện kinh tế hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tổng thể các yếu tố, hoàn cảnh về kinh tế xã hội, hệ thống chính sách kinh tế. Nền kinh tế phát triển năng động, bền vững sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động thực hiện pháp luật, tác động tích cực tới việc nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật của tầng lớp xã hội. Ngược lại, nền kinh tế chậm phát triển, kém năng động và kém hiệu quả sẽ có thể ảnh hưởng tiêu cực tới việc thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật. Yếu tố kinh tế là nền tảng của sự nhận thức hiểu biết pháp luật và thực hiện pháp luật nên có tác động mạnh mẽ tới hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể pháp luật, điều này được thể hiện rõ ở những mặt sau.

Điều kiện kinh tế có ảnh hưởng rất quan trọng đến lợi ích và do đó, tác động đến tư tưởng, quan điểm, thái độ, niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với pháp luật. Khi nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất của các tầng lớp dân cư được cải thiện, lợi ích kinh tế được đảm bảo thì nhân dân sẽ phấn khởi tin tưởng vào đường lối kinh tế, chính sách pháp luật, sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động điều hành, quản lý của Nhà Nước. Khi đó, niềm tin của các chủ thể đối với pháp luật được củng cố. Hoạt động thực hiện pháp luật sẽ mang tính tích cực, thuận chiều, phù hợp với các giá trị, chuẩn mực pháp luật hiện hành. Khi kinh tế phát triển, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện, các cán bộ, công chức nhà nước, các tầng lớp nhân dân có điều kiện mua sắm các phương tiện nghe, nhìn, có điều kiện thỏa mãn các nhu cầu thông tin pháp luật đa dạng và cập nhật. Các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật sẽ dễ dàng đến được với đông đảo cán bộ và nhân dân; nhu cầu tìm hiểu, trang bị thông tin, kiến thức pháp luật trở thành nhu cầu thị giác, thường trực trong suy nghĩ và hành động của họ. Điều đó giúp cho hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể mang tính tích cực, tự giác. Còn khi kinh tế chậm phát triển, thu nhập thấp, tình trạng thất nghiệp gia tăng, lợi ích kinh tế không được đảm bảo, đời sống của cán bộ nhân dân gặp khó khăn thì tư tưởng sẽ diễn biến phức tạp, cái xấu có cơ hội nảy sinh, tác động tiêu cực tới việc thực hiện pháp luật.

#### **1.3.5. Điều kiện xã hội**

Trong điều kiện xã hội, tính chất, mức độ của nền dân chủ xã hội cũng ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động thực hiện pháp luật. Điều kiện xã hội có nền dân chủ rộng rãi, thông tin đa dạng, phong phú, nhiều chiều, các tầng lớp xã hội có thể thẳng thắn công khai, cởi mở bày tỏ chính kiến, quan điểm của mình đối với vấn đề

pháp luật và các cơ quan pháp luật, sẵn sàng sử dụng quyền chủ thể của mình trong thực hiện pháp luật hoặc yêu cầu các cơ quan pháp luật trợ giúp, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Ngược lại, trong trường hợp xã hội thiếu dân chủ, thông tin nghèo nàn, thậm chí bị bùng bít thì bầu không khí chính trị xã hội bị ngột ngạt, gò bó; như thế các công dân không dám nói thật suy nghĩ của mình.

Xã hội ngày nay đang càng ngày càng phát triển, đang trong quá trình hội nhập quốc tế, đòi hỏi nền pháp luật Việt Nam cũng phải thay đổi, bổ sung và chú trọng hơn về vấn đề đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, chính vì vậy xã hội tiến bộ, dân chủ lại tác động vào hoạt động thực hiện pháp luật của người dân. Có sự tiến bộ trong pháp luật thì mới có sự chấp hành đúng đắn của nhân dân và ngược lại, xã hội mất công bằng, dân chủ thì đồng nghĩa với việc pháp luật không được thực hiện nghiêm minh, vì thế quyền tham gia chính trị của phụ nữ cũng bị cản trở.

Việc thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo các nguyên tắc của công bằng xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thực hiện pháp luật. Nó là điều kiện cần thiết cho sự ổn định chính trị, tăng cường pháp chế và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội; củng cố ý thức của con người về cái chung trong các lợi ích, lý tưởng của họ, khơi dậy thái độ tích cực của quần chúng đối với việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật; nhờ đó, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cũng được nâng lên một bước và việc thực hiện pháp luật của các chủ thể trở nên tự giác và chủ động hơn. Một xã hội dân chủ, văn minh cũng có nghĩa là quyền con người được đảm bảo trong đó có quyền bình đẳng giới, quyền tham gia chính trị của phụ nữ vì thế mà được bảo đảm.

Trong xã hội hiện đại, phụ nữ Việt Nam có vị thế và vai trò quan trọng, là nhân vật không thể thiếu trong các hoạt động xã hội. Do nhận thức đầy đủ về vị trí quan trọng của mình, phần lớn phụ nữ Việt Nam ngày nay đã chủ động khắc phục khó khăn, vượt qua nhiều mặc cảm, tự ti, nỗ lực phấn đấu để vươn lên nâng cao trình độ năng lực. tích cực học tập để hoàn thiện mình đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của xã hội.

Ở Việt Nam, trong những thập kỷ gần đây, quyền lợi và nghĩa vụ của người phụ nữ ngày càng được thể chế hóa một cách rõ ràng, cụ thể. Xem xét lại các quan điểm của Đảng ta, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như các luật pháp, chính sách của Nhà nước Việt Nam, chúng ta thấy tư tưởng nhất quán về con đường đưa phụ nữ đi

tới bình đẳng, tự do, phát triển. Điều này đã được thể hiện trong các văn kiện của Đảng là pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là việc ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006 nhằm đạt mục tiêu xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới. Thêm vào đó, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đã đề cập đến các vấn đề ưu tiên thông qua một hệ thống các biện pháp chính sách như: hoàn thiện các quy định và tăng cường sự giám sát việc thực hiện các chính sách về lao động nữ để đảm bảo hiệu quả và công bằng trong chính sách về đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội và hưu trí; đảm bảo phụ nữ tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội bằng việc hoàn thiện các luật và văn bản pháp lý để thực hiện và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ; xây dựng các trung tâm đào tạo nghề cho phụ nữ. Xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động và đào tạo nghề với số liệu tách biệt theo giới tính; dần dần giảm nặng gánh nặng việc nhà đối với phụ nữ bằng việc đầu tư cho công nghệ quy mô nhỏ phục vụ gia đình, các dự án nước sạch và cấp điện ở nông thôn; và cải thiện quyền phụ nữ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. **Gần đây nhất là Nghị quyết số 11/NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 17/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.** Các văn kiện này đã xác định rõ đường lối, chính sách của Đảng là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ; củng cố, tăng cường vị trí, vai trò thúc đẩy và đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội.

#### **1.4. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ**

##### ***1.4.1. Pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ***

Khi đề cập đến nội dung pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ là đề cập đến các quy phạm pháp luật cụ thể hướng đến mục tiêu xác lập và bảo vệ năng lực và tư cách pháp lý bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Nhiều văn kiện quốc tế về quyền con người trong đó phản ánh trực tiếp, gián tiếp về quyền chính trị của phụ nữ. Tiêu biểu như Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) năm 1948, Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ năm 1952, Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) năm 1966.

Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ năm 1952, (Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn theo Nghị quyết 640(VII) ngày 20 tháng 12 năm 1952 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc là bước tiến quan trọng về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ được thể hiện trong Tuyên ngôn năm 1967.

Do tính ràng buộc pháp lý còn hạn chế của Tuyên ngôn năm 1967 nên Liên hiệp quốc đã xây dựng Công ước và được thông qua năm 1979 với tên gọi: Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ - CEDAW (Convention on the Elimination of all Forms of Discrimination against Women), chính vì vậy Công ước này còn được gọi là Công ước về phụ nữ (the Convention on Women's Rights).

Công ước CEDAW không phải là văn kiện pháp lý chuyên biệt quy định về các quyền con người của phụ nữ, vì các quyền như vậy đã được thừa nhận trong các điều ước quốc tế khác về nhân quyền đã được ban hành trước đó. Cụ thể như các điều ước kể trên. Tuy nhiên, Công ước CEDAW có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện hóa các quyền con người của phụ nữ, trong đó có quyền chính trị, bởi lẽ công ước này xác định các cách thức, biện pháp nhằm loại trừ những sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền con người. Nói cách khác, mục đích của Công ước CEDAW là trao cho phụ nữ các quyền con người đã được thừa nhận nhưng trên thực tế họ chưa được hưởng, bởi có những sự phân biệt đối xử với phụ nữ [26, tr.64]. Trong số các điều khoản quan trọng nhất của Công ước CEDAW, Điều 7 xác lập phạm vi quyền chính trị của phụ nữ, bao gồm: Quyền tham gia bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử, trưng cầu dân ý; quyền ứng cử; quyền tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của Chính phủ, tham gia các chức vụ nhà nước; quyền tham gia các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước. Điều này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị, công cộng của đất nước, đặc biệt là trong việc hưởng thụ các quyền chính trị cụ thể nêu trên.

Điều 8 Công ước CEDAW mở rộng phạm vi quyền chính trị của phụ nữ ra ngoài biên giới quốc gia, bằng việc yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm cho phụ nữ có cơ hội đại diện cho Chính phủ họ ở cấp độ quốc tế và tham gia vào công việc của các tổ chức quốc tế trên cơ sở bình đẳng với nam giới và không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.

Theo tinh thần của Công ước CEDAW có ba nguyên tắc pháp lý cần tuân thủ để bảo đảm việc thực thi các quyền con người của phụ nữ, trong đó có quyền chính trị, đó là nguyên tắc về trách nhiệm quốc gia; nguyên tắc không phân biệt đối xử; nguyên tắc bình đẳng về giới. Cả ba nguyên tắc này đều quan trọng. Tuy nhiên, từ

khía cạnh thực tiễn, hai nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử giữ vai trò chủ đạo và có tính xuyên suốt. Bởi lẽ, đây là những nguyên tắc được coi như là chuẩn mực khi xem xét việc bảo đảm thực hiện bất cứ quyền nào của phụ nữ, trong bất cứ mối quan hệ nào gồm gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia và quốc tế.

Trên nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, thực hiện quyền chính trị của phụ nữ là bảo đảm quyền dân chủ trong xã hội. Dân chủ về lý thuyết gồm dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Biểu hiện của dân chủ trực tiếp là phụ nữ cũng như nam giới được trực tiếp tham gia vào toàn bộ quá trình quản lý nhà nước, từ khâu xây dựng, hoạch định chính sách đến triển khai công việc cụ thể hoặc trực tiếp tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan công quyền thực hiện quyền được giao. Đặc biệt, dân chủ ở cơ sở thể hiện ở việc phụ nữ được tham gia góp ý kiến bằng nhiều hình thức vào các vấn đề liên quan đến đời sống cộng đồng trong đó có những vấn đề liên quan đến lợi ích của họ. Hình thức điển hình của dân chủ gián tiếp là phụ nữ tham gia bầu cử người đại diện và ứng cử vào các cơ quan dân cử, cơ quan đại diện của quyền lực nhà nước.

#### ***1.4.2. Pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ***

Ở Việt Nam, quyền chính trị của phụ nữ với tính cách là quyền công dân sớm được xác lập bằng pháp luật cùng với sự ra đời của Hiến pháp đầu tiên năm 1946. Điều 1, trong Hiến pháp năm 1946 có ghi: *“Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”* [18, tr.8], phụ nữ đã được công nhận có địa vị công dân bình đẳng so với đàn ông: *“Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”* [Điều thứ 9]. Quyền bình đẳng nam nữ trong bầu cử và ứng cử trở thành quy tắc xuyên suốt trong các Hiến pháp từ năm 1946 đến nay: *Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trừ những người bị pháp luật hoặc toà án nhân dân tước các quyền đó.*

Có thể nói, quy định của Hiến pháp năm 1946 có ý nghĩa rất lớn trong bối cảnh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới được thành lập, góp phần phá tan xiềng xích tư tưởng *“trọng nam kinh nữ”* của chế độ phong kiến, chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

Tiếp theo Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 tại Điều 24 quy định: “Phụ nữ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình”.

Như vậy so với Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 đã cụ thể hóa hơn các lĩnh vực mà người phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới. Quyền bình đẳng nam nữ được thể hiện trên 5 lĩnh vực từ xã hội đến gia đình bao hàm tất cả các mặt của đời sống xã hội. Đó là sự ghi nhận, trân trọng và đảm bảo của toàn xã hội đối với vai trò của phụ nữ.

Khác với hai bản Hiến pháp năm 1946 và năm 1959, trong Hiến pháp năm 1980, quyền của phụ nữ vừa được lồng vào các quyền cơ bản của công dân, vừa được quy định riêng nhằm tạo ra những điểm nhấn quan trọng, khẳng định quyền của phụ nữ.

Theo Điều 55, thì “*Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật*”, có thể nói đây là quy định tiên bộ của Hiến pháp năm 1980, vì nó bao hàm tất cả các giới tính, khẳng định quyền bình đẳng giới trong xã hội.

Lần đầu tiên, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất của Nhà nước ta xác định: “*Công dân không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có thể được bầu vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp*” (Điều 57).

Bên cạnh đó, bản Hiến pháp này cũng quy định đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực lao động, hôn nhân và gia đình, cụ thể: “*Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi sinh đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội. Chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ sở phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận của người mẹ*” (Điều 63) và “*hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.... Nhà nước*



và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con” (Điều 64). Có thể khẳng định, Hiến pháp năm 1980 là bản Hiến pháp tiên bộ, ở đó quyền của công dân Việt Nam nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng đã được khẳng định ở tầm cao hơn, cụ thể hơn.

Đến năm 1992, Hiến pháp năm 1992 được ban hành. Về cơ bản, quyền của phụ nữ trong Hiến pháp năm 1992 kế thừa những quy định tiên bộ của Hiến pháp năm 1980, nhưng nhấn mạnh thêm: *"Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ"* (Điều 63). Điều 53 Hiến pháp năm 1992 (đã sửa đổi) quy định rõ: *"Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước..."*. Để thể hiện hóa quy định có tính chất định hướng này, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều luật, văn bản dưới luật nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ thực hiện quyền bình đẳng của họ tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội. Nhờ chính sách pháp luật như trên, trong những năm qua, đặc biệt là thời kỳ đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng, phụ nữ đã được giải phóng sức lao động và sáng tạo, phát huy nhiều tiềm năng, có những đóng góp nhất định vào những thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dù được công nhận ở nhiều văn bản Hiến pháp qua các thời kỳ nhưng việc quy định cụ thể, chi tiết về việc đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ như thế nào thực hiện còn nhiều khó khăn và hạn chế. Khắc phục những hạn chế đó, đến năm 2006, Luật bình đẳng giới đã ra đời đánh dấu sự phát triển của Luật pháp về bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ trong đó có quyền tham gia chính trị.

**Theo Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006 ngày 29 tháng 11 năm 2006 quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị:**

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

5. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

a) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới;

b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới[20].

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó và không bị phân biệt đối xử về giới. Theo đó, Nhà nước bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình; áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

Nhiều văn bản pháp luật có quy định với những thiết chế nhằm bảo vệ quyền chính trị của phụ nữ bao gồm việc bảo đảm thực hiện, chống các hành vi xâm phạm quyền chính trị của phụ nữ đã được xác lập trong pháp luật và biện pháp xử lý tương ứng như Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính...Nhằm bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ trong bầu cử và ứng cử, Bộ Luật hình sự hiện hành của Việt Nam quy định những chế tài đối với tội xâm phạm quyền bầu cử và ứng cử của công dân và tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ (Điều 126 và 130). Những quy định này của Bộ Luật hình sự, hay các quy định tại Luật bầu cử sửa đổi năm 2001 là cơ sở bảo vệ về mặt pháp lý nói chung đối với quyền bầu cử và ứng cử của phụ nữ, kể cả sự ngăn ngừa sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng của đất nước.

So với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp mới 2013 có những sửa đổi, bổ sung và phát triển thể hiện tầm quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có cả quyền của phụ nữ. Theo đó, mọi người đều bình đẳng

trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Đặc biệt, Điều 26 Hiến pháp nhấn mạnh: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2013 dành một chương (Chương X) quy định riêng về lao động nữ. Theo đó, Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ; khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà; có biện pháp tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi về vật chất và tinh thần của lao động nữ nhằm giúp lao động nữ phát huy có hiệu quả năng lực nghề nghiệp, kết hợp hài hòa cuộc sống lao động và cuộc sống gia đình. Luật quy định rõ, nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động; lao động nữ được dành thời gian trong thời gian lao động để cho con bú, làm vệ sinh phụ nữ; không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì kết hôn, có thai, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Đặc biệt, Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2013 quy định tăng thời gian nghỉ thai sản của lao động nữ từ 4 tháng lên thành 6 tháng.

Có thể nói, quyền của phụ nữ Việt Nam trong các bản Hiến pháp và các văn bản pháp luật đều thể hiện rõ 2 yếu tố căn bản đó là “bình đẳng và ưu tiên”. Có những quyền được pháp luật xây dựng bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trước pháp luật nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong công việc, trong đời sống chính trị, kinh tế và trong đời sống gia đình. Còn quyền ưu tiên (trong việc tuyển dụng, sắp xếp công việc, nghỉ hưu...) có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thể hiện khả năng của mình với việc đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội, đồng thời tránh rủi ro trong nghề nghiệp, trong cuộc sống gia đình và xã hội.

## **Kết luận chương 1**

Quyền bình đẳng của phụ nữ trong tham gia chính trị là tiêu chí quan trọng thể hiện sự bình đẳng giữa nam và nữ, đồng thời thể hiện sự văn minh, tiến bộ xã hội. Sự tham gia của phụ nữ trong chính trị ở chỗ phụ nữ có quyền trong ứng cử, bầu cử, quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, quyền tham gia các tổ chức chính trị xã hội. Ở Việt Nam, hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền với vị trí, vai trò lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Quyền bình đẳng của giới nữ trong việc tham gia chính trị ở Việt Nam đã được thực hiện từ sớm, đã phù hợp với các văn bản luật, Công ước quốc tế. Tuy nhiên, khác với nhiều nước trên thế giới, quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam có đặc điểm riêng. Năm 2006, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Việt Nam ban hành Luật bình đẳng giới, đây là một bước tiến quan trọng trong việc xác lập quyền bình đẳng về việc tham gia chính trị giữa nữ với nam.

Qua sự phân tích ở trên có thể khẳng định, quyền tham gia chính trị của phụ nữ đã có một quá trình xác lập bằng pháp luật. Pháp luật Việt Nam đã có những quy định riêng nhưng đồng thời đã hài hoà với luật pháp quốc tế trong việc khẳng định quyền chính trị của phụ nữ. Đó là một trong những quyền quan trọng nhất của phụ nữ cần được bảo vệ trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử cùng với trách nhiệm quốc gia và cả cộng đồng quốc tế, vì dân chủ và sự tiến bộ của phụ nữ.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ Ở TỈNH BẮC GIANG

#### **2.1. Những yếu tố tác động đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang**

##### *2.1.1. Yếu tố kinh tế - xã hội tác động đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang*

Bắc Giang là tỉnh miền núi, nằm ở phía Đông – Bắc của Tổ quốc, có diện tích 3.822 km<sup>2</sup>, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh và thành phố Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh.

Vị trí địa lý của tỉnh Bắc Giang khá độc đáo, nằm ở giữa vùng núi và đồng bằng, nên có địa lý tự nhiên rất phong phú và đa dạng, chia thành 2 vùng: rừng núi và trung du. Bắc Giang có 3 con sông lớn chảy qua là sông Cầu, sông Lục Nam, sông Thương và hàng chục con ngòi, suối lớn nhỏ. Với địa hình rộng lớn, giao thông bên cạnh sự thuận lợi còn có khó khăn nhất là ở các xã, huyện miền núi như Lục Ngạn, Sơn Động dẫn đến việc đi lại khó khăn.

Ngày 9 tháng 8 năm 1997, Ủy ban Dân tộc và Miền núi đã có Quyết định số 68- QĐ/UBDT công nhận tỉnh Bắc Giang là tỉnh miền núi. Toàn tỉnh có 7/10 huyện, thị là huyện miền núi, huyện Sơn Động là huyện vùng cao. Bắc Giang vẫn là một trong những tỉnh nghèo của cả nước, trong đó có huyện Sơn Động là một trong 62 huyện nghèo của cả nước.

Bắc Giang là một tỉnh miền núi nghèo có thu nhập bình quân đầu người thấp so với mức bình quân chung của cả nước, đời sống của nhân dân và hội viên phụ nữ ở khu vực nông thôn, miền núi còn gặp nhiều khó khăn.

Kinh tế nông nghiệp với tỷ trọng chiếm 76,8 % kinh tế của tỉnh Bắc Giang. Sản xuất nông nghiệp dù đã được cơ giới hóa nhưng do địa hình và giao thông không thuận lợi nên một số nơi sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa cao, làm cho một bộ phận nông dân phải sản xuất trong điều kiện khó khăn, gian khổ. Trong đó, các huyện miền núi như Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động. Trong gia đình, công việc nội trợ vẫn tập trung vào người phụ nữ; phụ nữ có vai trò thấp hơn nam giới, coi trọng con trai hơn con gái. Về định kiến giới, gánh nặng trách nhiệm với gia đình; cơ chế thị trường và sự phát triển xã hội đang làm đầy thêm gánh nặng trách nhiệm của người

phụ nữ trong thiên chức người vợ, người mẹ, người thầy đầu tiên của con cái. Quỹ thời gian của phụ nữ bị phân tán vào công việc nội trợ gia đình, chăm sóc gia đình cộng với đời sống khó khăn về kinh tế khiến nhiều chị em ít có điều kiện để tiếp cận với những cơ hội để phát triển bản thân. Gánh nặng gia đình bao giờ cũng dồn lên trách nhiệm của người phụ nữ, bởi vậy, nó tỷ lệ nghịch đối với sự phát triển vươn lên vị trí lãnh đạo, quản lý của người phụ nữ. Đây là một thách thức đặt ra đối với hầu hết phụ nữ và tác động không nhỏ đến cơ hội thăng tiến của phụ nữ trong tỉnh.

### *2.1.2. Yếu tố văn hóa tác động đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang*

Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2014, dân số tỉnh Bắc Giang có 1,6 triệu người, gồm 21 dân tộc, trong đó có người Kinh đông nhất, khoảng 88,53%. Các dân tộc thiểu số có Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chí, Cao Lan, Hoa, Dao có số dân trên 1.000 người và 19 dân tộc khác có số dân dưới 1.000 người. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hoá và phong tục tập quán riêng. Đồng bào dân tộc cư trú ở 105/230 xã, thị trấn thuộc 6 huyện miền núi: Sơn Động, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên.

Bắc Giang có đặc điểm văn hóa phong phú và đa dạng, được quy tụ và thể hiện thông qua đời sống, phong tục, tập quán truyền thống của cộng đồng mỗi dân tộc, biểu hiện qua tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống.

Với nền văn hóa đa dạng, người Kinh ở Bắc Giang được coi là cái nôi của giao lưu văn hóa Việt Hán trong nhiều thế kỷ mà văn hóa Hán vốn coi trọng nam quyền, gia trưởng, xem nhẹ người phụ nữ. Nếu con người áp đặt một khuynh hướng nào đó một cách tuyệt đối thì tức là đã tiêu diệt sự cạnh tranh giữa các khuynh hướng, cũng tức là tiêu diệt tính đa dạng của cuộc sống. Như vậy, một nền văn hóa lành mạnh là một nền văn hóa hình thành và phát triển một cách tự nhiên từ bản chất đa dạng của cuộc sống. Ngược lại, một nền văn hóa không lành mạnh là một nền văn hóa mà ở đây người ta sử dụng công cụ nhà nước để áp đặt các giá trị.

Cùng với đó, trong nhận thức định kiến giới là tư tưởng trọng nam, khinh nữ, ảnh hưởng của nền văn hóa nho giáo. Đây cũng là một vấn đề thực sự quan tâm, đây không chỉ là định kiến giới của xã hội, của gia đình, của giới nam đối với giới nữ mà còn là định kiến, sự mặc cảm, tự ty của bản thân chị em phụ nữ về năng lực lãnh đạo, quản lý của chính mình hoặc sự tin tưởng của chính chị em vào năng lực lãnh đạo của lãnh đạo cùng giới. Điều này dẫn đến tâm lý an phận, triệt tiêu ý thức

phần đầu của chị em. Đây là một thách thức không nhỏ, và nó đòi hỏi chị em phụ nữ phải vượt qua những cản ngại từ chính bản thân mình. Trong khi đó, người phụ nữ ở các dân tộc thiểu số thường sống ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh có trình độ học vấn thấp và có sự mặc cảm dẫn đến họ ít có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội. Đồng thời với các điều kiện tác động đến việc hạn chế quyền tham gia chính trị của phụ nữ như trên đã phân tích đó là yếu tố hệ thống chính sách, pháp luật và sự nhìn nhận của toàn xã hội nhất là nam giới đã tác động đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ.

## **2.2. Việc thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang**

### *2.2.1. Quyền bầu cử, ứng cử*

Quyền bầu cử, ứng cử là một quyền nằm trong nhóm quyền chính trị, bao gồm quyền đề cử, bỏ phiếu và quyền được bầu vào cơ quan đại diện. Đây là một trong những quyền chính trị quan trọng của phụ nữ. Thông qua bầu cử, ứng cử, nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng thể hiện ý chí của mình, lựa chọn người đại diện có đủ năng lực cả về trí tuệ và đạo đức để ủy quyền cho họ thực hiện chủ quyền (chủ quyền của nhân dân).

Cùng với nam giới, việc tham gia bầu cử vào các cấp bộ Đảng, Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp là cơ hội để nữ giới lựa chọn, bầu ra những người tiêu biểu về đức, tài, những người đủ tiêu chuẩn, không phân biệt nữ, nam xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Phụ nữ thực hiện quyền bầu cử của mình là trực tiếp phát huy quyền dân chủ trong xây dựng Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Phụ nữ tham gia bầu cử đó vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của chính bản thân phụ nữ.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định sâu sắc hơn quyền của phụ nữ trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của Hiến pháp năm 1992 và các hiến pháp trước đó. Tại Chương II Hiến pháp năm 2013 đã hiến định các quyền con người nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng. Quyền của phụ nữ được quy định từ điều 14 đến điều 49. Tại Điều 27, Hiến pháp năm 2013 quy định: Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định. Ngoài các quyền trên, phụ nữ còn có quyền: Được Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện

để phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội (Khoản 2 Điều 26); Được Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Khoản 2 Điều 36); Được Nhà nước, xã hội và gia đình bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, thực hiện kế hoạch hóa gia đình (khoản 2 Điều 58).

Xét trong mối tương quan với nam giới, quyền của phụ nữ Việt Nam được quy định trong các bản Hiến pháp nước ta đã thể hiện rõ quan điểm “bình đẳng và ưu tiên”. Có những quyền được pháp luật xây dựng bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trước pháp luật nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử trong công việc, trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và trong đời sống gia đình. Nhưng bên cạnh đó có những quyền ưu tiên (trong việc tuyển dụng, sắp xếp công việc, nghỉ hưu...), tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thể hiện khả năng của mình với việc đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội, đồng thời tránh rủi ro trong nghề nghiệp, trong cuộc sống gia đình và xã hội.

Trong khi bầu cử, cử tri nữ còn được quyền khiếu nại về danh sách cử tri: Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, cử tri nữ có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho cử tri nữ biết kết quả. Trường hợp cử tri nữ không đồng ý về kết quả này hoặc hết thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Trong quá trình bỏ phiếu bầu vào các cấp bộ Đảng, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, mỗi cử tri nữ có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân. Trường hợp cử tri nữ ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị để cử tri nữ nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với phụ nữ là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ mà tại những nơi đó không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng thì tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến để phụ nữ nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Khi cử tri nữ viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên tổ bầu cử. Nếu viết hỏng thì cử tri nữ có quyền đổi phiếu bầu khác.



Quyền bỏ phiếu ở nơi khác từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nữ nào vì đi nơi khác, không thể bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu cử ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Bên cạnh đó, cử tri nữ còn có quyền được thông báo về thời gian bầu cử và nơi bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri nữ biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

Để thực sự khẳng định được vai trò của giới mình, ngoài quyền bầu cử, phụ nữ còn có quyền ứng cử theo quy định của Luật. Việc xây dựng vào đào tạo cán bộ nữ, nâng cao tỷ lệ lãnh đạo là nữ hiện nay đang là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Theo quy định, những phụ nữ đáp ứng được các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương có quyền được ứng cử làm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, đồng thời phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử.

Phụ nữ có quyền khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử hội viên, phụ nữ có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử; quyền tuyên truyền, vận động bầu cử người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó. Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây: Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Hiện nay, phấn đấu đạt tỷ lệ 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là phụ nữ là nhiệm vụ trọng tâm, là một trong những yêu cầu cần thiết để thực hiện chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng. Điều 8 và Điều 9 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội

đồng nhân dân quy định số lượng nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ và những nội dung trên cần thiết phải có sự kết hợp đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan từ trên xuống dưới, từ Trung ương đến địa phương, từ chủ trương chính sách đến triển khai thực hiện. Do đó, cần phải có giải pháp để bảo đảm một tỷ lệ nữ nhất định tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, đó là:

*Một là*, thường trực Hội đồng nhân dân các cấp ở tỉnh Bắc Giang cần định hướng một tỷ lệ nhất định đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ tham gia vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Việc định hướng của Hội đồng nhân dân các cấp là yếu tố rất quan trọng đối với việc bảo đảm quyền của phụ nữ trong tham gia cơ quan dân cử. Điều đó đánh dấu sự thay đổi vượt bậc tư duy và hành động của các cấp chính quyền địa phương đối với vị trí, vai trò của người phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý. Công tác định hướng thể hiện sự lãnh đạo tập trung cao độ của Đảng, tránh dàn trải, không tập trung và mất dân chủ. Do vậy, thường trực Hội đồng nhân dân các cấp luôn phải giáo dục, tuyên truyền, định hướng, thuyết phục các lực lượng tham gia ứng cử, bầu cử. Trách nhiệm này theo luật bầu cử thuộc về Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bầu cử đại biểu Quốc hội; Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

*Hai là*, đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng trong việc quan tâm lựa chọn, giới thiệu nhân sự là phụ nữ. Công tác quy hoạch, lựa chọn và đào tạo cán bộ nữ là những khâu rất quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng. Những mặt hoạt động công tác này phải được diễn ra theo đúng lộ trình, bảo đảm nguyên tắc và dân chủ. Các cấp ủy Đảng có vai trò rất quan trọng trong việc lựa chọn và giới thiệu nhân sự. Thực tế cho thấy, nếu hoạt động quy hoạch, đào tạo, lựa chọn và giới thiệu nhân sự là phụ nữ ở cơ quan, đơn vị hay địa phương nào được tiến hành thường xuyên, bảo đảm dân chủ và có hiệu quả thì tỷ lệ phụ nữ tham gia lãnh đạo quản lý, tham gia ứng cử, bầu cử luôn đạt được ở mức cao, theo đúng hướng dẫn và sự lãnh đạo của tổ chức Đảng nơi đó. Cụ thể, cứ trong 10 người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thì có 4 người là nữ để qua ba

vòng hiệp thương theo luật định thì tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ vẫn còn ít nhất là 35 % trong tổng số người được lập danh sách chính thức những người ứng cử. Do vậy, việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng quyết định đến chất lượng công tác cán bộ nói chung và công tác cán bộ nữ của Đảng nói riêng.

*Ba là*, bản thân những phụ nữ được giới thiệu ra ứng cử (hoặc tự ứng cử) cần có sự chuẩn bị chu đáo trong vận động bầu cử (tranh cử) theo quy định của Luật. Một trong những hạn chế của đa phần phụ nữ là tính tự ti, chưa dám khẳng định vai trò của giới mình và chính bản thân mình trong xã hội, nhất là những vị trí lãnh đạo, quản lý. Mặc dù có ưu thế “chiếm một nửa xã hội”, có động lực phấn đấu rất lớn, tinh thần cống hiến cho xã hội rất cao, nhưng nhiều chị em phụ nữ chưa vượt qua được chính bản thân mình. Rất nhiều phụ nữ đã bỏ qua và đánh mất cơ hội phấn đấu vươn lên chính đáng cho chính bản thân mình và giới mình.

Do vậy, để cử tri hiểu rõ về mình, ủng hộ mình khi bỏ phiếu bầu cử chị em phụ nữ cần năng nổ, hăng hái hơn nữa, vượt qua mặc cảm, tự khẳng định vị thế của mình trong xã hội. Bằng những hành động và việc làm cụ thể để chứng minh năng lực, tinh thần trách nhiệm, khả năng cống hiến của mình không kém gì nam giới, hoàn toàn đảm nhiệm được trọng trách mà cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị giao phó. Chị em phụ nữ cần tích cực học tập nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác chuyên môn, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người phụ nữ hiện đại, rèn luyện và nâng cao sức khỏe, tích cực thị sát cơ sở, đi sâu đi sát với quần chúng. Bên cạnh đó, với thiên chức làm vợ, làm mẹ, người phụ nữ cần cố gắng xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Để chuẩn bị thật sự bài bản, chu đáo cho các kỳ bầu cử sau (về lâu dài), các cấp ủy, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị phải thực sự quan tâm đến công tác cán bộ nữ, có chiến lược về công tác này. Theo đó, trọng tâm là quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ; tạo môi trường thuận lợi để phụ nữ nói chung và đội ngũ cán bộ nữ nói riêng có nhiều cơ hội để cống hiến cho xã hội và đó cũng là nguồn để có thể tham gia ngày càng đông đảo vào cơ quan dân cử.

Nhằm nâng cao quyền tham gia bầu cử, ứng cử, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Giang đã tổ chức Hội nghị tọa đàm “*Nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo quản lý cấp tỉnh*” nhằm đánh giá thực trạng đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh trong giai đoạn hiện nay, thấy rõ những thuận lợi, khó khăn trong

công tác cán bộ nữ, từ đó kịp thời đề xuất nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo quản lý cấp tỉnh.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các địa phương đã tham mưu phối hợp tổ chức nhiều hội nghị tọa đàm “*Giải pháp tăng cường cán bộ nữ tham gia lãnh đạo quản lý tại địa phương*”, nhằm đánh giá tình hình và những kết quả đạt được trong việc tăng tỷ lệ cán bộ nữ quản lý, lãnh đạo; đồng thời đề ra giải pháp thực hiện mục tiêu nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

Cấp ủy, chính quyền các cấp ngoài việc thực hiện công tác rà soát, quy hoạch hàng năm, đã thực hiện việc rà soát, thống kê số lượng, chất lượng nữ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo tỉnh trong công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm; tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng vận động, kỹ năng thuyết trình cho các ứng cử viên là nữ; phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, lựa chọn và tham mưu với Ban bầu cử các cấp sắp xếp cơ cấu hợp lý để các ứng cử viên là nữ có cơ hội trúng cử. Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức cho người dân, giảm dần các định kiến, quan niệm thiên lệch về vai trò của nam và nữ trong gia đình và xã hội nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ có cơ hội tham gia vào các lĩnh vực của xã hội.

Trong dịp đại hội chi, đảng bộ các cấp, công tác tuyên truyền được cấp ủy các cấp tập trung chỉ đạo cả trước, trong và sau đại hội. Các địa phương, đơn vị đã phát động nhiều phong trào thi đua lao động, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; thường xuyên tuyên truyền trên đài truyền thanh cơ sở về đại hội; các chi, đảng bộ cơ sở treo cờ, băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao... đã tạo không khí phấn khởi trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lao động. Công tác phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 57/2009/NQ- TTg của Chính phủ; Luật Bình đẳng giới, Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới đã được thực hiện. Tuy nhiên, hầu như chưa có tình trạng vi phạm luật bầu cử, ứng cử đối với việc đưa phụ nữ tham gia bầu cử, ứng cử vào các cơ quan của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức xã hội của tỉnh đến cơ sở nhưng tỷ lệ nữ giới tham gia vào hệ thống chính trị với vai trò là lãnh đạo còn thấp.

Các ban tổ chức các cuộc bầu cử, bỏ phiếu tín nhiệm... từ tỉnh đến địa phương cũng hầu như chưa quan tâm đúng mức đến việc bảo đảm cho sự xuất hiện của phụ nữ một cách công bằng trong các danh sách bầu cử, ứng cử. Rõ ràng là chúng ta còn thiếu chế tài và các điều kiện thực tế để hiện thực hóa các chỉ tiêu về giới, như đã được khẳng định trong các văn bản pháp lý. Chính từ đó như số liệu ở trên cho thấy có địa phương hoàn toàn không có cán bộ xã là nữ.

Nguyên nhân của những hạn chế trên bắt nguồn từ sự định kiến về giới. Điều này do trình độ nhận thức của một bộ phận đông đảo do lịch sử để lại. Mặc dù các cấp ủy Đảng, chính quyền, Hội Liên hiệp Phụ nữ đã có nhiều nỗ lực nhằm hạn chế sự định kiến về giới nhưng kết quả còn ít.

### ***2.2.2. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội***

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của phụ nữ thể hiện vị trí, vai trò của phụ nữ trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội ngang quyền với nam giới trong đào tạo, quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm.

Thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành và UBND các cấp bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, 10/10 huyện/thành Hội, 230/230 cơ sở xã/phường/thị trấn đã phối hợp UBND cùng cấp sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp công tác cho phù hợp với Nghị định và tình hình thực tế ở địa phương; tích cực tham gia các Hội đồng, Ban chỉ đạo để kịp thời nắm bắt thông tin, có ý kiến tham gia vào quá trình xây dựng văn bản, tổ chức hoạt động phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, quyền lợi của phụ nữ, trẻ em; đồng thời đề xuất UBND các cấp tạo điều kiện về kinh phí, phương tiện để các cấp Hội tham gia quản lý nhà nước và kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phụ nữ, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới trong các lĩnh vực có liên quan.

Với cơ chế chính trị ở Việt Nam nói chung ở tỉnh Bắc Giang nói riêng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị, Nhà nước quản lý. Do vậy, nữ tham gia cấp ủy là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự tham gia chính trị của nữ có được đảm bảo hay không. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020: Cấp tỉnh đạt 15,09%. Cấp huyện: 52/424 người đạt tỷ lệ 12,26% (giảm 0,01% so với nhiệm kỳ 2010-2015), trong đó có 01 người giữ chức vụ phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện, 10 người được bầu là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Cấp xã: 518/3.132 đạt tỷ lệ 16,54% (tăng 2,57% so với nhiệm kỳ 2010-2015) trong đó có 3 người giữ

chức vụ Bí thư Đảng ủy, 23 người giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy, 51 người ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã. Số đảng viên nữ toàn tỉnh tính đến năm 2015 là 22.135 đồng chí, chiếm 28,6% so với tổng số đảng viên toàn tỉnh. Qua số liệu ở trên có thể thấy tỷ lệ nữ tham gia cấp uỷ còn thấp hơn nhiều so với nam giới. Đặc biệt tỷ lệ nữ là Đảng viên còn tỷ lệ thấp so với nam giới. Do đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam khi không là Đảng viên khó có thể có vai trò trong việc tham gia chính trị.

Nữ tham gia đại biểu Quốc hội, HĐND, giai đoạn 2011-2016, tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc Hội, HĐND các cấp như sau: Nữ đại biểu Quốc hội có 2/8 người đạt tỷ lệ 25% (không thay đổi so với nhiệm kỳ 2004-2011). Nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh có 20/84 người đạt 23,8% (giảm 5,96% so với nhiệm kỳ 2004-2011). Nữ đại biểu HĐND cấp huyện có 100/386 đồng chí đạt tỷ lệ 25,9% (giảm 0,92% so với nhiệm kỳ 2004-2011). Nữ đại biểu HĐND cấp xã: 1.276/6.070 người đạt tỷ lệ 21% (tăng 1,07% so với nhiệm kỳ 2004-2011).

Đội ngũ nữ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hiện có 39 người (tăng 4 người so với năm 2012 khi sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị), trong đó có 1 người là Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy; 07 người là trưởng các ngành, đoàn thể cấp tỉnh; 1 người là Chủ tịch UBND cấp huyện.

Toàn tỉnh có 24/70 sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; 1/10 huyện, thành phố; có lãnh đạo chủ chốt là nữ. 8/10 huyện, thành phố có cán bộ nữ tham gia Ban thường vụ hoặc Thường trực HĐND, UBND cùng cấp. Theo kết quả khảo sát mới nhất tại 47 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức chiếm 38,8%; số cán bộ nữ giữ chức vụ trưởng phòng, ban và tương đương chiếm 18,7%; số cán bộ nữ giữ chức vụ phó phòng, ban và tương đương chiếm 33,5% so với tổng số cán bộ có cùng chức vụ; số trưởng, phó phòng và tương đương là nữ ở cấp huyện có 140/814 đồng chí chiếm 17,2%. Từ sự phân tích ở trên cho thấy tỷ lệ nữ tham gia quản lý ở các cấp đã được tăng lên. Tuy nhiên, đặc biệt ở những vị trí chủ chốt tỷ lệ nữ tham gia còn thấp ở cấp huyện, xã.

Những kết quả trên là do các ngành, các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung của Chỉ thị số 37- CT/TW đến cán bộ, hội viên phụ nữ trong toàn tỉnh; tổ chức các đợt thi đua ngắn, triển khai sâu rộng đến các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp. Các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ nữ, lựa chọn, giới thiệu

cán bộ nữ đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng tham gia cấp ủy; Chủ động tham mưu với Ban Thường vụ cấp ủy, phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cùng cấp tham mưu giới thiệu cán bộ nữ, cán bộ Hội có đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2010-2015 đảm bảo số lượng và chất lượng theo quy định. Bên cạnh những kết quả trên, còn một số tồn tại, hạn chế như công tác giới thiệu nhân sự ở một số đơn vị chưa đảm bảo tỷ lệ quy định tại Chỉ thị số 37-CT/TW của Bộ Chính trị. Mặt khác một số cấp ủy Đảng chưa thực sự quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn, bố trí sắp xếp cán bộ nữ, nên rất khó khăn về nguồn cán bộ nữ, một số cơ sở tỷ lệ giới thiệu đạt rất thấp như thị trấn Lục Nam - huyện Lục Nam (7,69%), xã Đông Sơn - huyện Yên Dũng (5,56%), xã Biên Sơn - huyện Lục Ngạn (5,88%)... Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2010-2015 ở cả 3 cấp đều chưa đạt 15%. Trong đó: tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giảm 1,56% so với nhiệm kỳ trước; huyện Hiệp Hoà không có cán bộ Hội LHPN huyện tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (nhiệm kỳ 2010-2015); 128 xã, 7 huyện tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2010-2015 thấp hơn 15%; 11 xã không có cán bộ nữ tham gia cấp ủy (so với nhiệm kỳ trước giảm 3 đơn vị); 56 xã không có cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã tham gia cấp ủy; đặc biệt có 2 xã 3 nhiệm kỳ liên tiếp không có cán bộ nữ tham gia cấp ủy (xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, xã Thanh Luận, huyện Sơn Động). Tỷ lệ nữ giới giữ vị trí lãnh đạo ở cơ quan quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở còn thấp và không ổn định. Phụ nữ là lãnh đạo chr xuất hiện nhiều ở các ngành như giáo dục, dân số, y tế, các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ...

Nguyên nhân của hạn chế là do chất lượng tham mưu, đề xuất thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP chưa đồng đều ở các cấp và một số ngành cụ thể. Cấp ủy chưa thật sự chủ động chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách, liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới.

Trong đời sống hằng ngày, quan niệm xã hội cho rằng đàn ông đóng vai trò trụ cột kinh tế trong gia đình, phụ nữ coi là phụ, không quan trọng. Xã hội cho rằng có một số công việc dành riêng cho nữ giới. Điều này được lý giải do sự khác biệt về giới tính, coi phân công lao động mang tính tự nhiên. Cách giải thích này không xuất phát từ cách tiếp cận về giới dẫn đến bất bình đẳng giới trong phân công lao động. Tư tưởng nam quyền còn ảnh hưởng trong lãnh đạo các cấp từ tỉnh đến cơ sở. Theo tư tưởng này, phụ nữ bị áp đặt thiếu phẩm chất quyết đoán, năng động... Hệ quả là nam

giới thường được đảm nhận những công việc được coi là quan trọng và thường có thu nhập cao hơn nữ giới, đồng thời trong bầu cử, ứng cử việc lựa chọn, quy hoạch, đào tạo nguồn ngay từ những bước cơ bản, đầu tiên, người nữ đã bị hạn chế.

Cùng với những vấn đề về định kiến giới, quy định về tuổi nghỉ hưu chênh lệch 5 năm giữa nam và nữ đã thu hẹp một cách đáng kể cơ hội phấn đấu và thành đạt trên con đường chính trị của phụ nữ. Trung bình một người phụ nữ phải chịu thiệt thòi hơn so với nam giới khoảng 10 - 15 năm trên con đường sự nghiệp, với những ràng buộc về vai trò giới truyền thống và quy định về tuổi nghỉ hưu.

### ***2.2.3. Quyền tham gia các tổ chức chính trị- xã hội của phụ nữ***

Quyền tham gia các tổ chức chính trị - xã hội là sự thể hiện vai trò, vị trí của phụ nữ trong các tổ chức chính trị - xã hội không có phân biệt đối xử. Tham gia các tổ chức chính trị được coi là một trong những hoạt động của quyền tự do lập hội. Theo Hiến pháp Việt Nam, quyền tự do lập Hội của công dân Việt Nam là một trong những quyền chính trị quan trọng.

Để phụ nữ có thể tham gia các tổ chức chính trị xã hội, do đặc thù của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, nữ giới cần phải là Đảng viên. Do vậy phát triển Đảng viên là nữ giới góp phần quan trọng để nữ giới có thể tham gia các tổ chức chính trị xã hội. Tính đến 30 tháng 6 năm 2015, tỷ lệ đảng viên nữ trong Đảng bộ tỉnh đạt 28,13%, trong giai đoạn 2011-2015, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã giới thiệu, kết nạp 1.787 đảng viên nông nghiệp, khu phố. Toàn tỉnh Bắc Giang hiện có 189 / 230 chủ tịch (82,7%), 77/ 230 phó chủ tịch Hội phụ nữ xã, phường, thị trấn (33,5%) đạt chuẩn chức danh cán bộ, công chức cấp cơ sở. 220/230 chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, phường, thị trấn là đảng viên (95,7%).

Phụ nữ tham gia các tổ chức chính trị xã hội còn có sự giới hạn, nữ giới chỉ tham gia một số tổ chức với tỷ lệ nhiều như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ...

## **2.3. Các điều kiện bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang**

### ***2.3.1. Về chính trị đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang.***

Qua sự phân tích về tỷ lệ nữ tham gia chính trị cho thấy còn nhiều hạn chế. Do đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước quản lý, do vậy sự chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, sự quản lý của nhà nước



từ tình đến cơ sở nhằm tăng cường các điều kiện, cơ chế cho phụ nữ tham gia chính trị là công việc đầu tiên và quan trọng.

Để tháo gỡ những hạn chế trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 04/8/2014 về kế hoạch đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ tỉnh tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Hướng dẫn số 03- HD/TU ngày 10/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn công tác nhân sự cấp ủy tại đại hội đảng bộ cấp huyện và một số định hướng công tác nhân sự đại hội cấp cơ sở, nhiệm kỳ 2015- 2020 đã yêu cầu các cấp ủy đảng trong công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy khóa mới phải thực hiện đúng Điều lệ Đảng, quy chế, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh ủy về công tác cán bộ, đồng thời chú trọng phát hiện, giới thiệu những nhân tố mới có đức, có tài, có triển vọng về lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ trẻ tuổi, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số; phấn đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên là nữ không dưới 15% và cần có cán bộ nữ trong ban thường vụ cấp ủy.

Hàng năm, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền và triển khai hoạt động tuyên truyền, phổ biến các nội dung: **Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 57/2009-NQ/TTg của Chính phủ**; Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng chống mua bán người, Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015... tới các cấp, các ngành và cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và nhân dân trong tỉnh, với hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện thường xuyên, liên tục đã mang lại những kết quả tích cực. Trong giai đoạn 2011-2015, các đơn vị, địa phương tổ chức hàng chục nghìn cuộc tuyên truyền, trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật tại cộng đồng; thực hiện hàng trăm tin, bài phóng sự trên sóng truyền hình và sóng phát thanh; phát hành hàng chục nghìn cuốn Luật Bình đẳng giới, tài liệu sinh hoạt hội, tờ rơi, sổ tay có nội dung Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình. Hàng năm, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh phát hành từ 2-3 số cuốn tập san “*Phụ nữ và phát triển*” tỉnh Bắc Giang. Đài phát thanh truyền hình tỉnh thực hiện hiện lồng ghép với các chuyên mục như: giải đáp pháp luật, hộp thư truyền hình, chính sách mới, quyết định mới, giới thiệu văn bản pháp luật liên quan đến công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đặc biệt năm 2012, hưởng ứng cuộc thi: “*Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bình đẳng giới*” do Bộ Lao động –

Thương binh và xã hội phát động, toàn tỉnh đã có 8.526 bài dự thi, kết quả cuộc thi tỉnh đã có 01 cá nhân đạt giải nhất toàn quốc.

Từ năm 2012-2015, Thường trực Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức trên 40 lớp tập huấn bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về giới, bình đẳng giới, kỹ năng lồng ghép giới cho gần 5.500 đại biểu là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp; nữ đại biểu HĐND các cấp, cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thanh tra, pháp chế, tổ chức ở các ngành, các cấp... Đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn đạt khoảng 95%. Bên cạnh đó, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các ngành: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Công an, Ban Dân tộc tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh ... đã tổ chức các hội nghị, tập huấn lồng ghép về chính sách pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên công đoàn của đơn vị, địa phương đặc biệt là phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh tổ chức Hội nghị gặp mặt, tọa đàm, trao đổi giữa các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh với các đồng chí nữ lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý để tạo điều kiện cho nữ lãnh đạo chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý, đề xuất những ý kiến, nguyện vọng với các đồng chí lãnh đạo tỉnh. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành phố có nhiều kinh nghiệm. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các ngành, các cấp phối hợp với công đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi với nội dung và hình thức phong phú thu hút đông đảo nam, nữ, cán bộ lao động tham gia như: mít tinh gặp mặt, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, hái hoa dân chủ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, thi nấu ăn, tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm.

Công tác giáo dục truyền thống, phẩm chất đạo đức, tuyên truyền gương phụ nữ điển hình tiên tiến được các cấp Hội chú trọng. Thực hiện Đề án "*Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH-HĐH đất nước*", 255/255 cơ sở Hội, 2.599/2.599 chi hội phụ nữ đã tổ chức tuyên truyền phẩm chất,

đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cho gần 90% phụ nữ, 100% hội viên trong toàn tỉnh.

Để đảm bảo phụ nữ tham gia chính trị, điều kiện cần đảm bảo là cần phải tăng cường nhận thức cho chính phụ nữ về nhiều mặt. Trong đó công tác thông tin, truyền thông có vai trò quan trọng. Hội Phụ nữ các cấp đã tổ chức phong trào đọc, tìm hiểu và áp dụng kiến thức từ sách báo, các cấp Hội Phụ nữ đã duy trì hoạt động của 1.258 tủ sách, ngăn sách, thư viện nhỏ ở 100% cơ sở Hội; triển khai thực hiện có hiệu quả việc sử dụng báo và các ấn phẩm báo Phụ nữ Việt Nam, Bản tin Phụ nữ Bắc Giang trong sinh hoạt hội viên ở 2.599/2.599 chi hội. Các cấp Hội chú trọng xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp nhằm hỗ trợ tốt cho công tác tuyên truyền của Hội. Quan tâm phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, biểu dương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang Web, bản tin của Hội, qua các cuộc tổng kết, giao lưu học tập, chia sẻ kinh nghiệm... Thường xuyên nắm bắt tư tưởng, đời sống, nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ để chủ động đề xuất và tham gia giải quyết kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho phụ nữ. Chính từ những hoạt động trên đã kịp thời nâng cao vốn hiểu biết của phụ nữ để có thể tạo cho họ niềm tin, có kiến thức để bảo vệ bình đẳng giới trong hoạt động chính trị.

*2.3.2. Thực trạng điều kiện chính sách, pháp luật đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang;*

Công tác hoạch định chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trong hoạt động chính trị của tỉnh Bắc Giang đã được thực hiện trải qua một quá trình.

Ngày 19 và 20 tháng 5 năm 1997, Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII họp tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra mục tiêu: *Đoàn kết đổi mới vì bình đẳng phát triển và hoà bình, vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*. Trên cơ sở hệ thống pháp luật và các chủ trương của Đảng, của Nhà nước về bình đẳng giới, tỉnh Bắc Giang đã chủ động xây dựng các Chương trình, Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của tỉnh. Đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong tham gia chính trị là một trong những quyền bình đẳng giới.

**Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 57/2009-NQ/TTg, ngày 1 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ**

về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Luật Bình đẳng giới, Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện.

Tỉnh ủy đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về Bình đẳng giới, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác bình đẳng giới và phát triển phụ nữ. Ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tỉnh ủy ban hành Đề án số 04-ĐA/TU về “*Nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2010-2020*”. Nhằm thực hiện Đề án của Tỉnh ủy, ngày 21 tháng 6 năm 2011, Ban tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 05-HD/TCTU “*Về công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý đến năm 2015 và những năm tiếp theo*”. Nhằm thực hiện Đề án của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh:

Là nhiệm kỳ đầu tiên thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị “*Về giám sát, phản biện xã hội*” và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị “*Về tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*”; Hội đã tổ chức quán triệt, tập huấn, triển khai đến cán bộ về nội dung các Quyết định và quy trình, cách thức giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền; đồng thời chọn điểm tổ chức thực hiện để rút kinh nghiệm cho việc chỉ đạo triển khai trong phạm vi toàn tỉnh.

Hàng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, 10/10 huyện - thành Hội và 100% cơ sở đã chủ động lựa chọn vấn đề ưu tiên, xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát việc thực hiện các luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số.... Qua giám sát, Hội đã phản ánh với cấp ủy, chính quyền, ngành chức năng những khó khăn, hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện, đề xuất biện pháp khắc phục nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em.

Song song với việc thực hiện nhiệm vụ giám sát, Hội đã tích cực tham gia xây dựng, phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về bình đẳng Giới, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền thông qua việc tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản dự thảo (*Văn kiện của Đại hội Đảng, dự thảo Hiến pháp sửa đổi, các dự thảo luật pháp chính sách có liên quan đến bình đẳng giới, chương*

trình, kế hoạch của địa phương...) và nhiều hình thức khác. Việc nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương về chính sách liên quan phụ nữ, trẻ em được các cấp Hội quan tâm thực hiện. Một số ý kiến tham gia đề xuất của Hội như: chính sách chi trả thù lao đối với Trường Ban công tác Mặt trận và Trường các đoàn thể ở thôn, tổ dân phố; đề xuất cấp giấy khai sinh cho trẻ chưa được khai sinh theo quy định... đã được tiếp thu, thực hiện.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho phụ nữ được các cấp Hội quan tâm triển khai, phù hợp với điều kiện thực tiễn cơ sở. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh bám sát Chương trình phối hợp với ngành Tư pháp, đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho hội viên, phụ nữ. Trong nhiệm kỳ, các cấp Hội toàn tỉnh đã tổ chức, phối hợp tổ chức trên 12 nghìn cuộc tuyên truyền, phổ biến, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho gần 1 triệu lượt hội viên, phụ nữ.

Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của hội viên phụ nữ là nhiệm vụ được Hội quan tâm thực hiện tốt. 5 năm qua, các cấp Hội đã tiếp nhận, giải quyết, phối hợp giải quyết 394 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em; phối hợp hòa giải thành công 2.945 vụ mâu thuẫn gia đình, làng xóm.

Hàng năm, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các đơn vị, địa phương trong tỉnh; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban tham gia các đoàn kiểm tra, đồng thời thực hiện kiểm tra lồng ghép công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ với các chương trình, kiểm tra giám sát chuyên môn khác của các ngành. Ngoài việc kiểm tra theo kế hoạch đề ra, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh đề nghị Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị, địa phương quản lý. Công tác kiểm tra thực hiện các chế độ chính sách đối với lao động được các ngành chức năng quan tâm thực hiện. Công đoàn các ngành, các cấp đã phối hợp thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với lao động nữ ở các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị, địa phương cơ bản đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ của cả giai đoạn và từng năm, thực hiện tốt các quy định đối với cán bộ nữ; hàng năm đã xây dựng kế hoạch và tổ chức

kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị cấp dưới trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới và công tác đối với cán bộ nữ.

Công tác thông tin, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, định kỳ 6 tháng và hàng năm, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh thực hiện đảm bảo đầy đủ, đúng thời gian quy định của Bộ Lao động- Thương binh và xã hội và của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam.

*2.3.3. Thực trạng điều kiện tổ chức đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang...)*

Tổ chức bộ máy thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trong hoạt động chính trị của tỉnh được thực hiện nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Ngày 7 tháng 11 năm 1994, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị 645/TTg về việc thành lập tổ chức “*Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các bộ, ngành và địa phương*”. Năm 1997, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Giang được thành lập gồm 12 thành viên, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Đến tháng 5 năm 2000 có 8 huyện, thị và 2 ngành thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thực hiện Quyết định 163- QĐ/HĐBT, các cấp Hội phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở có quy chế làm việc định kỳ với Ủy ban nhân dân cùng cấp. Các cấp ủy, chính quyền đều quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho Hội hoạt động. Hội phụ nữ huyện Yên Thế và 34 xã, phường, thị trấn trong tỉnh, tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện quyết định 163/HĐBT. Các văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến quyền lợi phụ nữ và trẻ em luôn được các cấp Hội nghiên cứu. Tỉnh hội tổ chức 4 lớp tập huấn về phân tích và lập kế hoạch dưới góc độ giới cho 62 đồng chí lãnh đạo nữ và 29 đồng chí lãnh đạo các ngành từ tỉnh đến xã.

Đến năm 2002, Tỉnh Hội phụ nữ tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ động làm việc với Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy về nhân sự tham gia cấp ủy và tham mưu xây dựng tổ chức bộ máy Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở 100% huyện, thị, 16 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 224/229 xã, phường, thị trấn. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tổ chức, triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia, Kế hoạch hành động Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010. Những việc làm đó đã có tác động nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác cán bộ nữ, góp phần tăng tỷ lệ nữ cấp ủy của cả 3 cấp, làm cơ sở tạo nguồn cán bộ nữ cho việc xây dựng quy hoạch cán bộ của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tuy nhiên

nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, đảng viên về vai trò của phụ nữ trong tham gia quản lý nhà nước còn hạn chế. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ chưa được quan tâm đúng mức. Một số cán bộ, đảng viên nhận thức về bình đẳng giới chưa sâu sắc, nhìn nhận, đánh giá phụ nữ còn câu toàn, khát khe, chưa tạo điều kiện để phụ nữ vươn lên. Một số cán bộ nữ, cán bộ Hội chưa chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị về thực hiện Nghị định 19/2003/NĐ-CP của Chính phủ; trình độ, năng lực của một số cán bộ Hội còn hạn chế, ngại học tập, còn có tư tưởng an phận.

Thực hiện Quyết định số 1855/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ «*Về việc thành lập, kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp tỉnh và cấp huyện*»; UBND tỉnh Bắc Giang đã Quyết định thành lập và kiện toàn Ban vì sự tiến bộ phụ nữ cấp tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm trưởng ban; 4 phó trưởng ban gồm: Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và xã hội (Phó ban thường trực), Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Phó Giám đốc Sở Nội vụ; và 16 thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh. Đến nay có 10 sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; 10/10 huyện, thành phố và 230/230 xã, phường, thị trấn thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở đơn vị, địa phương. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, các ngành được kiện toàn khi có sự thay đổi về tổ chức. 9 tháng đầu năm 2015, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh và 8/10 huyện, thành phố đã thực hiện bổ sung, kiện toàn thành viên Ban.

Ngày 17 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 1750- QĐ/UBND Quyết định về việc kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ và tổ giúp việc Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Bắc Giang’, Ban Vì sự tiến bộ có 21 thành viên, trong đó có 5 lãnh đạo Ban gồm đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, các phó Trưởng ban gồm Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Lao động thương binh và Xã hội, Phó Giám đốc Sở Nội vụ. Các thành viên của Ban gồm có đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành có liên quan. Tổ giúp việc của Ban có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên ở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, 2 thành viên còn lại là cán bộ chuyên trách ở Sở lao động thương binh và Xã hội.

*2.3.4. Thực trạng điều kiện kinh tế đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang*

Bắc Giang là một tỉnh miền núi nhưng có cả vùng trung du, đồng bằng xen kẽ. Lợi thế kinh tế của tỉnh là nông, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong những năm qua, kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh có sự chuyển dịch cơ cấu một cách tích cực. Công nghiệp là ngành kinh tế có nhiều tiềm năng của tỉnh. Khu công nghiệp Đình Trám rộng hơn 100 ha đã được các nhà đầu tư vào gần kín, ngoài ra còn gần 10 cụm công nghiệp tại các huyện, thị xã đã và đang đi vào hoạt động hoặc đang thiết kế quy hoạch hoàn chỉnh. Từ khi tỉnh có văn bản khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn, sau một năm đã có 114 nhà đầu tư đăng ký với tổng số vốn hơn 1.187 tỷ đồng, trong đó 57 dự án đầu tư đã được chấp thuận. Các làng nghề truyền thống ngày càng được khôi phục và phát triển như: mây tre đan Tăng Tiến, tơ tằm Song Mai, bún Đa Mai, rượu làng Vân, mì Chũ, bánh đa Ké...

Công nghiệp phát triển nhanh cả về không gian, quy mô và trình độ công nghệ với tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân 19,4%. Cơ cấu công nghiệp - xây dựng tăng từ 32,9% năm 2011 lên 41,5% năm 2015. Toàn tỉnh hiện có 4 khu công nghiệp và 27 cụm công nghiệp đi vào hoạt động; thu hút 455 dự án đầu tư, trong đó 127 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký hơn 2 tỷ USD. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành) ước đạt 58.672 tỷ đồng, bằng 147,7% mục tiêu và cao gấp 4,7 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 36,4%, góp phần tăng thu ngân sách, tạo chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tạo việc làm cho khoảng 250 nghìn lao động.

Nông nghiệp Bắc Giang phát triển khá toàn diện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng bình quân 5,2%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân đạt 4,0%/năm. Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp năm 2015 ước đạt 86 triệu đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2010. Cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi (năm 2015 tỷ trọng chăn nuôi chiếm 45%). Tỉnh đã hình thành được một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, tạo được sản phẩm đặc trưng có thương hiệu. Đã hình thành vùng trồng cây ăn quả lớn thứ 3 toàn quốc, vùng trồng vải thiều là vùng sản xuất chuyên canh đứng thứ nhất, đàn gà đứng thứ 4 và là một trong 2 tỉnh có đàn lợn dẫn đầu cả nước. Đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 33/202 xã đạt chuẩn nông



thôn mới, chiếm 16,3% số xã toàn tỉnh; bình quân các xã trên địa bàn tỉnh đạt 12,7/19 tiêu chí xã nông thôn mới.

Dịch vụ phát triển đa dạng, ngày càng nâng cao chất lượng. Thu hút được một số dự án lớn như: Sân Golf – Dịch vụ Yên Dũng, khách sạn Mường Thanh, siêu thị BigC, Co.op mart... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 17.200 tỷ đồng, tăng bình quân 19,6%/năm. Phương tiện vận tải tăng bình quân 11%/năm; phủ sóng điện thoại di động và Internet tới tất cả các xã. Hệ thống dịch vụ tài chính, tiền tệ phát triển khá, cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn của các doanh nghiệp, vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các dịch vụ giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật, bảo hiểm, du lịch... tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng.

Tỉnh Bắc Giang đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối với các tỉnh bạn và các vùng kinh tế động lực. Tỉnh đã phối hợp triển khai cải tạo, nâng cấp các quốc lộ 1, 31, 37; đầu tư nâng cấp nhiều tuyến đường tỉnh: 293, 398, 295B, 296, 297, 298, 299... Tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tỉnh đã cải tạo, nâng cấp, cứng hóa 215 km đường tỉnh; 240 km đường huyện; 695 km đường liên xã, trục xã; 654 km đường thôn, bản; nâng tỷ lệ cứng hóa đường huyện từ 50% (năm 2010) lên 85%; đường xã từ 21,5% lên 58,5%; đường thôn, bản đạt 47,6%.

Tình hình kinh tế đã tác động đến đời sống nhân dân trong đó có phụ nữ. Phụ nữ có cơ hội trong lĩnh vực lao động và việc làm (giai đoạn 2011-2015 đã tạo việc làm cho 136.600 người, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 2,6-2,7 vạn lao động trong đó lao động nữ chiếm 55% - đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra); Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị đối với lao động nữ giảm xuống còn 1,95%; tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn từ các nguồn vốn chính thức đạt 80%. Đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của phụ nữ từng bước được cải thiện; tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận dịch vụ y tế đạt 95,7%; tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con đạt 70%. Tuy nhiên, Bắc Giang vẫn là một trong những tỉnh nghèo của cả nước. Trong đó có huyện Sơn Động là một trong 62 huyện nghèo của cả nước. Đời sống của phụ nữ dân tộc ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Dưới tác động của điều kiện kinh tế của một tỉnh nghèo đã ảnh hưởng đến đời sống của phụ nữ. Phụ nữ vẫn là

lực lượng lao động chính sản xuất ra của cải vật chất. Vì vậy, điều kiện kinh tế đã tác động không nhỏ đến đời sống của phụ nữ trong đó có quyền tham gia chính trị.

#### *2.3.5. Thực trạng điều kiện xã hội đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang*

Điều kiện xã hội có vai trò quan trọng tác động đến việc đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Trong những năm qua, cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của xã hội đối với vị thế, vai trò của phụ nữ trong tham gia chính trị. Tỉnh ủy đã chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp tuyên truyền Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 57/2009/NQ- TTg của Chính phủ, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cho phụ nữ; Luật Bình đẳng giới, Chiến lược và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh. Các ngành, đoàn thể tỉnh xây dựng kế hoạch liên ngành về tuyên truyền Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện tốt kế hoạch. Trong xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm, các đơn vị, địa phương đã lồng ghép nội dung bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ vào chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị, địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị- xã hội đã tích cực triển khai thực hiện, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu, bố trí hội viên làm cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới ở cơ sở. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh phối hợp xây dựng, củng cố Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp thực sự vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ. Đề xuất, tham gia xây dựng và triển khai thực hiện tốt các chính sách pháp luật về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ. Tổ chức các hoạt động thiết thực tạo điều kiện để phụ nữ phát huy vai trò nòng cốt xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng người phụ nữ Bắc Giang có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu. Các huyện, thành phố tích cực triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực để thực hiện tốt các chương trình; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch công

tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ với các kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn; đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới trong công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Giang đã phối hợp triển khai thực hiện thí điểm một số mô hình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ như: mô hình xây dựng sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; mô hình tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới tại xã miền núi, vùng cao cho đồng dân tộc thiểu số; mô hình ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới; mô hình nhà giữ trẻ trong khu công nghiệp; mô hình Nhóm tư vấn cộng đồng nhằm giảm thiểu những hệ lụy của hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

Để nâng cao vị trí của phụ nữ, việc tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia công tác xã hội, nâng cao trình độ mọi mặt có vai trò quan trọng. Phụ nữ có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội, học tập và công tác, trình độ được nâng lên: tỷ lệ cán bộ nữ được đào tạo trên đại học là 38%/tổng số người được đào tạo trên đại học. Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 99,97%; tỷ lệ cán bộ công chức nữ được bồi dưỡng về chính trị, hành chính, tin học, ngoại ngữ trong tổng số cán bộ công chức được bồi dưỡng đạt 50%.

Việc triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác cán bộ nữ. Nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác cán bộ nữ, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã chỉ đạo Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng có liên quan đến phụ nữ nhằm thay đổi căn bản và sâu sắc nhận thức về giới, ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình; Coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn.

## **2.4. Đánh giá chung về thực trạng bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở tỉnh Bắc Giang**

### *2.4.1. Kết quả và nguyên nhân*

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang đã trải qua một quá trình thực hiện và ngày càng có nhiều tiến bộ. Cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị đã quan tâm thực hiện. Cấp ủy Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc về vị thế, vai trò của phụ nữ trong hệ thống chính trị. Tỉnh ủy đã ban hành Đề án về

việc bố trí nữ trong hệ thống chính trị. Đề án đã đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ nữ tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia các tổ chức chính trị xã hội đã tăng lên. Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở có vai trò quan trọng vì vậy đã chỉ đạo, ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong việc tham gia chính trị thể hiện ở việc bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia các tổ chức chính trị xã hội. Đồng thời, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã thực hiện tốt công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ tham gia hệ thống chính trị.

Công tác chỉ đạo của cấp ủy Đảng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Nhận thức được như vậy, trong những năm qua, cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đến công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ nhất là công tác bầu cử, ứng cử, sự tham gia của nữ giới trong hệ thống chính trị. Thể hiện ở việc, năm 2010, Tỉnh ủy đã ban hành đề án về công tác phụ nữ trong tình hình mới. Đồng thời, các cấp ủy Đảng đã rà soát, quy hoạch, đào tạo nguồn với cán bộ nữ ở các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ vậy tỷ lệ nữ tham gia trong hệ thống chính trị tăng dần từng bước.

Công tác phối hợp giữa các ban, ngành có liên quan đến công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được tăng cường bằng việc ký quy chế phối hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Hội LHPN tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu xây dựng và ký kết Quy chế phối hợp số 3230/QCPh - UBND - HLHPN ngày 29/11/2013 phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Giang. Hội LHPN 10/10 huyện – thành phố, 230/230 cơ sở Hội phối hợp UBND cùng cấp ký kết Quy chế phối hợp công tác theo Nghị định số 56/2012/NĐ-CP. Việc ban hành quy chế phối hợp là sự thể hiện ràng buộc và phân rõ trách nhiệm trong việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Thực hiện Quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội LHPN tỉnh và UBND tỉnh, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh phân công đồng chí phó chủ tịch phụ trách công tác luật pháp chính sách đồng thời phụ trách việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP, Quy chế phối hợp với UBND tỉnh. Phân công Ban Luật pháp chính sách trực tiếp làm đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện.

#### *2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân*

Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND, nữ là lãnh đạo chủ chốt các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh trong nhiệm kỳ 2011-2015 và tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy nhiệm

kỳ 2016-2020 còn thấp, chưa đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra. Điều này có nguyên nhân do nhận thức xã hội vẫn còn tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, vai trò của phụ nữ vẫn còn bị xem nhẹ, cách nhìn nhận về phụ nữ còn định kiến, hẹp hòi. Tư tưởng này không chỉ xuất hiện ở nam giới mà còn ở nữ giới. Một số trường hợp phụ nữ còn thiếu tự tin vào giới mình nên không ủng hộ người cùng giới trong các kỳ bầu cử, tuyên chọn lãnh đạo, quản lý. Tư tưởng này còn xuất hiện ở một bộ phận lãnh đạo và Đảng viên. Một số cấp ủy, lãnh đạo không tin tưởng vào vai trò và khả năng của phụ nữ trong việc tham gia chính trị, do vậy họ không muốn đề bạt chị em vào cương vị lãnh đạo chủ chốt. Cho nên cán bộ lãnh đạo chủ chốt có rất ít, nếu có cũng chỉ ở một số ngành đặc thù như Hội Liên hiệp Phụ nữ, ngành giáo dục... Trong một số cuộc bầu cử, cử tri cũng có tâm lý thích lựa chọn ứng cử viên có thể trở thành đại diện tốt cho mình, mặc dù trên thực tế khi so sánh về tiêu chí và năng lực lãnh đạo nam ứng cử viên chưa chắc đã bằng nữ ứng cử viên. Đó là trở ngại về tâm lý đám đông.

Công tác tuyên truyền, vận động về quyền bình đẳng giới thực hiện còn hạn chế. Việc nghiên cứu tài liệu cho công tác tuyên truyền và tập huấn nâng cao năng lực còn gặp nhiều khó khăn; nội dung chưa phong phú, nhất là nguồn tài liệu do trung ương biên soạn phục vụ cho các đối tượng chưa được nhiều. Do vậy, nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân về quyền tham gia chính trị của phụ nữ còn hạn chế.

Bộ máy hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và cán bộ làm công tác bình đẳng giới tại các địa phương, đơn vị đều là kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều, thời gian hạn chế dẫn đến chất lượng công tác tham mưu và triển khai các hoạt động còn chưa cao, đặc biệt đối với cấp xã đội ngũ cán bộ này bị thay đổi nhiều và hạn chế về chuyên môn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ chưa được thực hiện toàn diện và triệt để. Do quy hoạch cán bộ nữ ở một số địa phương còn yếu trong khi đó tiêu chuẩn lựa chọn vào các vị trí lãnh đạo ngày càng đòi hỏi cao nhưng ở một số nơi nguồn cán bộ do không được quy hoạch dẫn đến nguồn cán bộ nữ hạn chế về chất lượng và số lượng.

Việc lồng ghép giới trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội vẫn chưa được thực hiện một cách thực chất và đúng quy định, nhất là trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó còn có định kiến giới, đặc biệt

trong một số bộ phận cán bộ, công chức. Việc bồi dưỡng, phát triển cán bộ nữ ở một số địa phương, đơn vị còn bị hạn chế; việc các doanh nghiệp không muốn nhận lao động nữ vì ngại thực hiện chế độ thai sản và những lý do khác còn xảy ra. Mặc dù đã có Luật bình đẳng giới nhưng cơ chế, chế tài xử lý nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn do chế tài thực hiện và sự đồng thuận để thực hiện Luật chưa cao dẫn đến chưa có vụ việc nào cần xử lý nhưng tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị còn hạn chế.

Kinh phí dành cho hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ còn hạn chế, đặc biệt đối với cấp huyện. Hiện có 4/10 huyện chưa bố trí được kinh phí cho hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở địa phương. Từ việc chưa bố trí được nguồn kinh phí dẫn đến nhiều hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ khó khăn trong việc đề xuất các chương trình, hoạt động.

Bắc Giang là tỉnh miền núi nghèo, thu nhập bình quân đầu người thấp so với mức bình quân chung cả nước; đời sống của một bộ phận nhân dân ở khu vực nông thôn, miền núi, dân tộc còn nhiều khó khăn... đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu về bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở địa phương.

## **Kết luận chương 2**

Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ đã được thực hiện ở Bắc Giang từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Tuy nhiên, do tác động của điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội để lại tác động đến, làm cho thực hiện quyền đảm bảo tham gia chính trị của phụ nữ dù đã được thực hiện nhưng còn nhiều hạn chế. Đến năm 1997, khi tỉnh Bắc Giang được tái lập, đồng thời thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chương trình hành động của chính phủ, Đề án của Tỉnh ủy, từ tổ chức đến kết quả của việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ đã có chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả hơn trước. Điều này nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội. Công tác tổ chức Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được thành lập và kiện toàn kịp thời đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới. Các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện liên quan đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ ngày càng được nâng cao. Các quy định pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ tương đối

phù hợp với thực tiễn. Vì thế, ngày càng có nhiều phụ nữ trong tỉnh phát huy được vai trò trong việc tham gia chính trị với nhiều vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

Hoạt động chính trị là một lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội, của các quan hệ người với người. Nó rất cần tới sự có mặt, sự tham gia nhập cuộc của phụ nữ vì phụ nữ chiếm số đông trong dân số của cả nước và của tỉnh Bắc Giang, sự cân bằng giới như một sự cân bằng tâm lý, đồng thời, nó bổ sung lẫn nhau trong cơ cấu giới, tạo ra sự hài hòa trong phát triển. Nhận thức được vị trí quan trọng của sự tham gia chính trị của phụ nữ, các cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội đã tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác phụ nữ trong việc tham gia hệ thống chính trị. Tuy nhiên khi triển khai bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn do điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa tỉnh Bắc Giang có những đặc thù ảnh hưởng, tác động đến điều kiện tham gia chính trị của phụ nữ. Đời sống nhân dân trong đó có phụ nữ ở 6 huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh kinh tế còn khó khăn, công tác tuyên truyền về sự bình đẳng của phụ nữ trong đó có quyền tham gia chính trị của phụ nữ chưa sâu rộng, một bộ phận lớn phụ nữ nhất là ở cơ sở do hoàn cảnh khó khăn dẫn đến trình độ học vấn hạn chế. Nhận thức của nam giới và chính trong nữ giới do lịch sử để lại dẫn đến định kiến, hiểu chưa toàn diện về phụ nữ tham gia chính trị dẫn đến công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bầu cử, ứng cử phụ nữ tham gia vào các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội, các tổ chức chính trị xã hội gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, một số quy định hiện hành liên quan đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ chưa đồng bộ và thống nhất. Việc thể chế hóa các văn bản của Đảng và Nhà nước tới cấp cơ sở và cấp huyện về sự tham gia chính trị của phụ nữ nhiều khi chưa kịp thời. Dù Luật bình đẳng giới đã được ban hành nhưng việc đảm bảo thực hiện và hiệu quả thực hiện trong nội dung quyền tham gia chính trị của phụ nữ chưa cao.

Phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế trên các cơ quan có thẩm quyền ở tỉnh đến cơ sở ở tỉnh Bắc Giang đã có sự chỉ đạo tích cực nhằm phát huy quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Kết quả, tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị đã có bước tiến bộ. Từ thực trạng như trên cần có quan điểm và giải pháp cụ thể về sự tham gia chính trị phụ nữ tỉnh Bắc Giang, tác giả đề tài luận văn sẽ đề cập tới ở chương kế tiếp.

## CHƯƠNG 3

### QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ TỪ THỰC TIỄN TỈNH BẮC GIANG

#### 3.1. Quan điểm tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

##### *3.1.1. Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải đi đôi với quá trình tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ gắn liền với việc khẳng định vị thế, vai trò, khả năng của phụ nữ trong hệ thống chính trị. Vì thế vì thế bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải song song với quá trình tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Quá trình đổi mới hệ thống chính trị phải gắn liền với quá trình bảo đảm quyền lực chính trị thực sự thuộc về nhân dân, trong đó một bộ phận lớn phụ nữ trong xã hội là nhân dân, từng bước hoàn thiện và nâng cao trình độ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng về dân chủ của nhân dân; căn cứ vào trình độ giác ngộ và năng lực thực hành dân chủ của nhân dân mà tiến hành đổi mới hệ thống chính trị. Phải từ sự tiến bộ trong việc nhân dân nắm và sử dụng quyền làm chủ của mình đối với xã hội, cộng đồng mà đánh giá kết quả đổi mới hệ thống chính trị.

Yêu cầu của đổi mới hệ thống chính trị trước hết là xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức chính trị – xã hội và mối quan hệ giữa các tổ chức đó trong một thiết chế chung thống nhất, khắc phục tình trạng trùng lặp, “lấn sân” hoặc đùn đẩy lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình. Ở đây, Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống; Nhà nước có chức năng thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, quản lý toàn diện xã hội; Mặt trận Tổ quốc là “liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân” nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phản biện và giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vấn đề mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Để lãnh đạo đạt kết quả cao, Đảng không chỉ cần có đường lối đúng đắn



mà còn phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng... để Đảng thật sự là lực lượng lãnh đạo ở tầm chiến lược, bao quát toàn diện nhưng không rơi vào bao biện làm thay Nhà nước, phải làm cho Nhà nước mạnh lên, quản lý có hiệu lực, hiệu quả, đồng thời làm cho “Mặt trận Tổ quốc... thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Phương thức lãnh đạo phù hợp của Đảng trong tình hình hiện nay, theo chúng tôi, là:

*Trước hết*, việc xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách phải xuất phát từ thực tế, tổng hợp được các ý kiến, kinh nghiệm thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Khi đã có nghị quyết phải tuyên truyền, giải thích, thuyết phục mọi người thông suốt, ý Đảng trở thành ý dân. Trong quá trình thực hiện, Đảng phải theo dõi xem chủ trương đề ra có đúng không, cần điều chỉnh như thế nào trước khi nhân ra diện rộng. Người lãnh đạo, tập thể lãnh đạo tài giỏi mấy cũng không thể nghĩ thay, nghĩ hơn được toàn thể đảng viên và nhân dân.

*Thứ hai*, phải biết cụ thể hoá, vận dụng sáng tạo Nghị quyết của Đảng vào từng cấp, từng lĩnh vực. Đảng lãnh đạo Nhà nước trước hết là bằng Cương lĩnh, chiến lược và các định hướng về chính sách và chủ trương công tác lớn. Tổ chức Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng cơ quan phải nắm vững đường lối, quan điểm chung của Đảng, căn cứ vào đặc điểm từng địa phương, từng ngành, từng cơ quan mà đề ra chủ trương, kế hoạch, biện pháp sát hợp. Trước khi triển khai ra diện rộng một chủ trương quan trọng nào đó, cần tiến hành làm thí điểm để rút kinh nghiệm.

*Thứ ba*, hiện nay, hệ thống chính trị của chúng ta có Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở; các tổng công ty, các cơ quan sự nghiệp cũng có hệ thống tổ chức theo ngành dọc. Do vậy, phải tạo lập sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các tổ chức, giữa các ngành và các địa phương, tức là kết hợp sự lãnh đạo theo hệ thống dọc với lãnh đạo theo hệ thống ngang cho đúng.

*Thứ tư*, trong khi thực hiện sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên, Đảng phải biết lựa chọn và tập trung lãnh đạo những công việc trọng yếu.

*Thứ năm*, phải phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân. Trong điều kiện Đảng Cộng sản là đảng duy nhất cầm quyền, các tổ chức, cấp uỷ đảng phải vừa giáo dục, vừa quản lý và phát huy vai trò của lực lượng này trong việc thực hiện sự lãnh đạo của Đảng.

*Thứ sáu*, phải thường xuyên tiến hành kiểm tra và kiểm tra đúng cách. Cách tốt nhất là phải làm thường xuyên và kết hợp kiểm tra “từ trên xuống” và “từ dưới lên”, đặc biệt “người kiểm tra phải là người có uy tín”.

Xét về hiệu quả lãnh đạo chính trị trong những năm đổi mới, tư duy lý luận của Đảng đã tạo nên những bước tiến mới về phương thức lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với *hệ thống chính trị cơ sở*. Đảng ta chủ trương hướng về cơ sở, quan tâm củng cố cơ sở xã hội của chính trị, đề cao các sáng kiến từ cơ sở. Nhấn mạnh vai trò của cơ sở thực chất là nhấn mạnh vai trò của nhân dân, tác dụng to lớn và quyết định của nhân dân trong xây dựng chế độ mới, xây dựng chế độ dân chủ, thực hiện quyền lực của nhân dân.

Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là một trong bảy định hướng cơ bản nhằm tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị và tư tưởng đến các lĩnh vực khác. Đồng thời, phải đổi mới cơ chế để nhân dân phát huy quyền làm chủ. Hiện nay, việc thực hiện yêu cầu này còn yếu. Nhiều người dũng cảm đấu tranh chống các biểu hiện mất dân chủ nhưng lại chưa được bảo vệ, thậm chí còn bị trù dập, chà đạp. Tình hình này đã làm thui chột tinh thần đấu tranh của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Việc đổi mới hệ thống chính trị nhằm tạo điều kiện để phát huy dân chủ ở nước ta phải được đặt *dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là điều kiện tiên quyết để nhân dân thực hiện quyền lực của mình.

### ***3.1.2. Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ cần đặt trong tổng thể bảo đảm, tôn trọng, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam***

Quyền tham gia chính trị của phụ nữ cần đặt trong tổng thể đảm bảo, tôn trọng, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam, nghĩa là quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam được thể hiện và pháp luật bảo vệ với tư cách là các quyền công dân. Phụ nữ cũng là công dân và phụ nữ có các quyền chính trị của một công dân, được tham gia vào mọi hoạt động trong đời sống chính trị và đời sống cộng đồng của đất nước. Đồng thời các văn bản luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ cũng cần phải phù hợp và có tính khả thi, điều chỉnh các quan

hệ xã hội phát sinh và cũng được coi trọng như các bộ luật khác với tính thượng tôn của pháp luật.

***3.1.3. Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải bảo đảm quyền bình đẳng, phát huy vai trò và khả năng của phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.***

Vấn đề nâng cao vai trò, vị trí và phát huy vai trò, khả năng của phụ nữ vừa là hệ quả tích cực, vừa là tiền đề của sự phát triển. Vì vậy, giải phóng phụ nữ, nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong xã hội nói chung và trong việc tham gia chính trị sẽ góp phần tích cực cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua phụ nữ Việt Nam nói chung, phụ nữ tỉnh Bắc Giang nói riêng đã có nhiều thành quả đáng kể, bình đẳng với nam giới ở nhiều phương diện. Tuy nhiên, sự đóng góp của phụ nữ chưa tương xứng với vị trí, khả năng của họ trong nền kinh tế thị trường, trong các quan hệ chính trị, xã hội cũng như trong gia đình. Vì vậy, việc nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ đóng vai trò quan trọng, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ. Để đảm bảo quyền bình đẳng, phát huy vị thế, vai trò và khả năng của phụ nữ trong đời sống chính trị, xã hội cần phải nâng cao năng lực tham gia của phụ nữ và phải có sự hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, gia đình vào việc tiếp cận và sử dụng các nguồn lực, quyền hạn trong giáo dục, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm. Đồng thời phải gắn công tác đào tạo, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ nữ với quá trình quy hoạch, sử dụng cán bộ. Nếu sử dụng đúng cán bộ đã được đào tạo vào đúng vị trí phù hợp với khả năng sẽ khuyến khích cán bộ làm việc tốt đồng thời tạo ra tâm lý cạnh tranh phấn đấu cho những cán bộ khác khi chưa có đủ tiêu chuẩn, điều kiện phù hợp.

Để đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ nhằm giải phóng phụ nữ, nâng cao vị trí, vai trò và khả năng của phụ nữ trong hệ thống chính trị cần đòi hỏi không ngừng nâng cao năng lực tham gia và cơ quan quản lý và các tổ chức xã hội của phụ nữ. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ tham gia đầy đủ như nam giới như thế nào còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, thể chế, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời phải tạo điều kiện cho phụ nữ có trình độ, năng lực chuyên môn. Trong điều kiện hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đòi hỏi người phụ nữ phải có những tiêu chuẩn nhất định ngang với nam giới, nhất là cán bộ quản lý phải có trình độ học vấn như nam giới, tăng cường phát huy hết năng lực vốn có của những phụ nữ có tiềm năng gắn liền với việc đề bạt, bổ nhiệm họ. Hơn nữa cần phải xóa bỏ định kiến của

cả hai giới, xóa bỏ những mặc cảm, tự ti tồn tại trong chính giới nữ giúp cho họ tự tin vươn lên, đồng thời xóa bỏ sự nhìn nhận thiên kiến, sai lệch của cả xã hội về vị trí, vai trò của phụ nữ tham gia chính trị.

***3.1.4. Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải đảm bảo hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ và phải đặt trong mối quan hệ với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật chung***

Hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải đặt trong mối quan hệ với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật chung. Muốn hoàn thiện hệ thống pháp luật cho từng lĩnh vực cụ thể thì cần phải coi trọng tính hệ thống, mối liên hệ giữa các bộ phận luật pháp trong pháp luật chung. Pháp luật về nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ có đặc thù riêng, bao gồm các quy phạm điều chỉnh các quan hệ liên quan đến lĩnh vực bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội nhằm phát huy vai trò và vị thế của phụ nữ trong xã hội nên việc hoàn thiện các bộ phận pháp luật này phải được đặt trong mối quan hệ với hoàn thiện pháp luật chung. Nghĩa là hoàn thiện bộ phận pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải được đặt trong mối quan hệ với việc hoàn thiện pháp luật chung về quyền chính trị căn cứ vào những đặc điểm riêng của phụ nữ như giới, thiên chức của họ. Điều này đòi hỏi việc hoàn thiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ trước tiên cần rà soát lại toàn bộ các văn bản liên quan đến chính trị, tập trung vào các quy phạm được thể hiện trong Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật này. Đồng thời, phải chú trọng mối quan hệ giữa nội dung các quy định của pháp luật với cơ chế pháp lý nhằm đảm bảo nội dung đó được thể hiện trong thực tế. Nội dung của pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải được thể chế hóa đầy đủ chủ trương và chính sách của Đảng đối với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội, thể hiện đầy đủ các quyền tham gia chính trị của phụ nữ.

Hoàn thiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải gắn với việc hoàn thiện cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật. Xây dựng và thực hiện pháp luật là hai quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau. Xây dựng pháp luật tốt có nghĩa là phải bảo đảm có một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, toàn diện, phù hợp với thực tế. Điều này sẽ tạo ra việc tổ chức thực hiện pháp luật tốt và thông qua thực hiện pháp luật sẽ có cơ sở thực tiễn để tiếp tục kiện toàn hệ thống pháp luật.

Đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải gắn với việc hoàn thiện cơ chế giám sát, giải pháp thực hiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ nhằm đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ phải có pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ phù hợp với các công ước quốc tế liên quan đến phụ nữ mà Nhà nước Việt Nam đã tham gia, ký kết và phê chuẩn nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích, chủ quyền quốc gia và nghĩa vụ quốc tế.

### **3.2. Giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ từ thực tiễn tỉnh Bắc Giang**

#### ***3.2.1. Nhóm giải pháp chung tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay***

*Đổi mới nhận thức, tiếp tục quán triệt và thể chế hóa các quan điểm của Đảng về quyền tham gia chính trị của phụ nữ*

Nhằm đánh giá, lựa chọn và đề bạt phụ nữ vào các chức vụ quản lý trong công vụ, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành rất nhiều văn bản dưới luật nhằm cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng về vấn đề này. Cụ thể, Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 12 tháng 7 năm 1993 của Bộ Chính trị đã khẳng định quan điểm của Đảng về công tác cán bộ nữ: “*Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong các cấp uỷ Đảng, cơ quan nhà nước, trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, khoa học, nghệ thuật*”. Quan điểm trên đã được Ban Bí thư Trung ương Đảng có văn bản hướng dẫn cụ thể và tăng cường cấp uỷ viên nữ, Uỷ viên Ban Thường vụ, tăng cường cán bộ nữ trong các cấp chính quyền và tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các xí nghiệp quốc doanh...

Để thực hiện tốt công tác đánh giá, lựa chọn và đề bạt phụ nữ vào các chức vụ quản lý trong công vụ, Đảng và Nhà nước ta cần đưa ra các biện pháp cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn hoá cán bộ quản lý, đổi mới quan điểm đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ nữ.

Ngày nay, trong quá trình hội nhập, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan quyền lực nhà nước. Đây cũng là một trong những thành tựu của công tác xây dựng và quy hoạch lại đội ngũ cán bộ nữ. Vì vậy, công tác xây dựng Đảng và quy hoạch lại đội ngũ cán bộ nữ trong bối cảnh tình hình mới là một yêu cầu cấp bách, đóng vai trò quan trọng đòi hỏi phải luôn luôn đổi mới quan điểm đánh giá,

lựa chọn và sử dụng cán bộ cho phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, việc đánh giá, đề bạt cán bộ này còn được đặt trong công tác quy hoạch cán bộ của từng cơ quan phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của mỗi lĩnh vực, mỗi ngành.

*Thứ nhất:* Để có một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, Nhà nước ta cần phải xác định tiêu chuẩn cán bộ đảm bảo khoa học, có tính đến đặc điểm về giới. Việc đặt ra tiêu chuẩn để đánh giá, lựa chọn cán bộ là vấn đề quan trọng và cần thiết cho mỗi cơ quan, đơn vị. Việc xác định tiêu chuẩn cán bộ nữ một cách chính xác là cơ sở và tiền đề để đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ đúng. Từ trước đến nay, Nhà nước ta mới xác định tiêu chuẩn cán bộ nói chung chứ chưa xác định tiêu chuẩn cho từng chức danh cán bộ. Không thể đặt ra tiêu chuẩn đánh giá cán bộ chung chung mà cần phải có tiêu chuẩn riêng, cụ thể cho từng chức danh, từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Vì mỗi chức danh, mỗi lĩnh vực, ngành chuyên môn có đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ riêng. Tiêu chuẩn người quản lý kinh tế, quản lý xã hội khác với tiêu chuẩn người lãnh đạo, quản lý nhà nước. Ngoài những điểm chung là cán bộ quản lý nhưng có sự khác nhau về lĩnh vực quản lý, bằng cấp chuyên môn...

Trong điều kiện tình hình mới, muốn có một đội ngũ lãnh đạo quản lý chất lượng cao, điều hành công việc có hiệu quả, thì việc đánh giá, lựa chọn, đề bạt cán bộ phải tránh tình trạng ưu tiên, chiếu cố, đề bạt cho đủ cơ cấu hoặc vì cá nhân. Từ thực tế, nếu việc đề bạt cán bộ nữ chỉ dựa trên cơ cấu thì không thể khuyến khích hết khả năng vốn có của phụ nữ, họ sẽ ỷ lại, dựa vào cơ cấu mà xem nhẹ năng lực cũng có thể tham gia lãnh đạo.

Để trở thành cán bộ quản lý, ngoài tiêu chuẩn đề bạt ra, còn phải có đủ điều kiện. Đối với công tác đề bạt nữ cán bộ trong lãnh đạo quản lý, không nên xem nhẹ điều kiện hay tuyệt đối hóa bằng học vị, đồng thời cũng không nên đồng nhất điều kiện hay bằng cấp học vị với năng lực công tác. Bằng cấp, học vị là điều kiện để tạo ra năng lực bản thân, chưa phản ánh đầy đủ năng lực. Vì vậy, cần phải chú ý cả về điều kiện và tiêu chuẩn.

Tăng cường hơn nữa tỷ lệ phụ nữ tham gia bộ máy lãnh đạo:

Việc tham gia của phụ nữ vào lãnh đạo, quản lý nhằm đảm bảo cho phụ nữ có người đại diện chân chính cho giới mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trách nhiệm của cán bộ nữ nhiều vì đa phần những chị em nữ được cử đại diện cho giới của mình tức là họ đã tin tưởng vào người đại diện cho họ. Do đó,

việc tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào bộ máy lãnh đạo, quản lý trên cơ sở, trình độ năng lực và nguyện vọng của phụ nữ là hết sức cần thiết và phù hợp với yêu cầu khách quan. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng bao nhiêu trong số lượng phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành là vấn đề cần nghiên cứu đối với công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ nữ trong thời kỳ mới.

*Thứ hai, tạo nguồn cán bộ nữ:*

Trong công cuộc đổi mới, một trong những nguyên nhân của việc phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý chưa nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội là nguồn cán bộ nữ chưa đáp ứng được. Để đáp ứng được yêu cầu của xã hội về lực lượng cán bộ tham gia vào lãnh đạo, quản lý, cần quan tâm đến vấn đề tạo nguồn. Khi đặt vấn đề về nguồn cán bộ nữ, Chỉ thị 37-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 1994 của Đảng đã chỉ rõ: “Cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động nữ nói chung và cá bộ nữ nói riêng. Trước mắt, các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở phải có quy hoạch cán bộ nữ...”. Một trong những yếu tố gây cản trở lớn nhất của phụ nữ tham gia vào lãnh đạo quản lý là kiến thức và trình độ chuyên môn. Từ trước đến nay, do những đặc điểm về giới như sức khỏe, thời gian lao động, phụ nữ thường bị coi là đối tượng “yếu thế” hơn nam giới trong thị trường lao động. Hơn nữa, đôi khi kiến thức chuyên môn lại kém hơn nam giới vì ít có cơ hội học tập để nâng cao trình độ. Do vậy, dẫn đến tình trạng phụ nữ chỉ làm được những công việc nhẹ, ít phức tạp hơn và kèm theo mức lương thấp hơn. Rõ ràng, phụ nữ khó tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trong xã hội nếu không được đào tạo, học tập đúng tầm về chuyên môn theo vị trí công việc được yêu cầu. Vì vậy, để nâng cao số lượng và chất lượng phụ nữ tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội, yếu tố mấu chốt là phải nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ, đây là giải pháp, là điều kiện cần để phụ nữ phát huy hết tiềm năng sẵn có, xoá bỏ sự ngăn cách về nhận thức giữa phụ nữ và nam giới. Từ đó, phụ nữ có thể tự tin và xã hội sẽ tin tưởng giao cho họ trọng trách. Để hỗ trợ phụ nữ, nhà nước cần có kế hoạch cụ thể, chi tiết về giáo dục, đào tạo cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, phụ nữ dân tộc thiểu số... nhằm nâng cao mặt bằng dân trí cho phụ nữ.

*Thứ ba, Ban hành một số chính sách xã hội đối với phụ nữ:*

Nhà nước cần ban hành thêm một số chính sách xã hội phù hợp với việc nâng cao nguồn nhân lực nữ. Nguồn nhân lực này cần đảm bảo cân đối, phù hợp

giữa phụ nữ ở đồng bằng, miền núi, vùng sâu và vùng xa. Muốn củng cố và duy trì nguồn nhân lực nữ, Nhà nước cần có các biện pháp cụ thể sau:

*Ban hành một số chính sách xã hội nhằm ưu tiên phụ nữ nông thôn và dân tộc thiểu số*

Hiện nay, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lãnh đạo quản lý tương đối thấp, đặc biệt là phụ nữ nông thôn và dân tộc thiểu số. Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện vật chất còn nghèo, họ phải lao động như nam giới, đồng thời còn đảm nhận công việc gia đình vì thế tác động đến tư tưởng, nguyện vọng của họ là ít nghĩ đến vị trí quyền lực của mình. Do vậy, ngoài việc ban hành văn bản pháp luật quy định cụ thể các quyền của phụ nữ nói chung, theo tôi cần có những chính sách riêng đối với phụ nữ nói chung và phụ nữ nông thôn, dân tộc thiểu số nói riêng. Mục đích của chính sách xã hội đối với phụ nữ nói chung và phụ nữ nông thôn, dân tộc thiểu số nói riêng là khuyến khích phụ nữ tham gia lao động sản xuất, tạo điều kiện cho phụ nữ nâng cao trình độ và năng lực, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho phụ nữ nghèo ở vùng nông thôn, miền núi, giảm thiểu gánh nặng trên vai họ, tăng cường công tác quản lý, lãnh đạo của phụ nữ.

*Mở rộng các hình thức dịch vụ xã hội nhằm hỗ trợ phụ nữ tham gia vào hoạt động quản lý*

Để tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội cũng như hoạt động quản lý, nhà nước cần mở rộng các hình thức dịch vụ xã hội như giảm nhẹ tối đa việc nhà cho phụ nữ làm công tác lãnh đạo vì hiệu quả quản lý của phụ nữ ảnh hưởng rất nhiều bởi công việc gia đình. Để giải phóng phụ nữ khỏi những bận rộn vào công việc gia đình, cần quan tâm những vấn đề như: cải thiện và đầu tư phát triển hệ thống nê trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, tạo điều kiện cho phụ nữ tập trung vào việc học tập, cần linh hoạt mở rộng thêm nhiều hình thức trông trẻ ngoài giờ, trông trẻ trọn tuần, hay trọn tháng nhằm đáp ứng như cầu của phụ nữ khi cần thiết (hội nghị, họp, công tác xa, làm ca...) và giúp chị em có thêm thời gian, yên tâm công tác.

*Thường xuyên rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến quyền chính trị của phụ nữ*

Quá trình rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật hiện hành nói chung về quyền tham gia chính trị của phụ nữ nói riêng là hết sức cần thiết và không thể thiếu trong quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ.



Do các luật và các điều khoản pháp luật luôn cần bổ sung điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn phát sinh vì thế để sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ cần tiến hành một cách thường xuyên và có chất lượng việc rà soát và hệ thống hoá các văn bản pháp luật liên quan đến quyền tham gia chính trị của phụ nữ theo từng lĩnh vực cụ thể của quyền tham gia chính trị. Rà soát lại nội dung và hiệu lực của từng văn bản, từng quy phạm pháp luật thông qua các quy tắc, quy định. Trong quá trình rà soát và hệ thống hóa văn bản đã phân loại và xác định những văn bản, những quy phạm nào không cần, không còn hiệu lực hoặc chồng chéo, trùng lặp hoặc cần sửa đổi, bổ sung, chẳng hạn như quy định mâu thuẫn về độ tuổi đề bạt cán bộ cấp vụ trong Quyết định 137-TCCP/CCVC của Bộ Trưởng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ và quy định về giới hạn đề bạt lần đầu của nam và nữ trong chủ trương, chính sách của Đảng đã gây khó khăn cho việc áp dụng chính sách, pháp luật và gây nên sự bất bình đẳng nam nữ. Đồng thời, thông qua quá trình rà soát và hệ thống hóa văn bản pháp luật, những văn bản, quy phạm nào cần hợp nhất hoặc cần nâng cấp ban hành. Những cơ sở nào cần được khắc phục, điều chỉnh lại, những văn bản đã ban hành nhưng không phù hợp thì phải có biện pháp khắc phục ngay.

*Sửa đổi, bổ sung những điểm chưa phù hợp trong chính sách, pháp luật bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ.*

Trong quá trình hội nhập quốc tế, trước những đòi hỏi khách quan, một số quy phạm pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ chưa phù hợp và rất khó áp dụng trên thực tế, đặc biệt là một số quy định trong Bộ Luật lao động, Chỉ thị 37-CT/TW về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới.

*Thứ nhất*, xây dựng và đào tạo đội ngũ nữ cán bộ quản lý gắn với chiến lược phát triển tổng thể kinh tế- xã hội của đất nước và việc sử dụng hợp lý và hiệu quả đội ngũ đó. Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã bước đầu quan tâm đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nữ cho phù hợp với những nhu cầu khắt khe của quá trình hội nhập. Tuy nhiên, phụ nữ ngày nay đáp ứng nhu cầu tuyển chọn, đề bạt, bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý còn một số hạn chế.

*Thứ hai*, khắc phục những bất cập trong một số chính sách “ưu tiên” đối với lao động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng về độ tuổi về hưu, tuổi đề bạt được quy định trong Bộ luật Lao động và một số văn bản quy định của Chính phủ.

*Thứ ba*, thực hiện nghiêm túc Luật bình đẳng giới để bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trên mọi lĩnh vực, trong đó có nội dung bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ.

*Sửa đổi, bổ sung pháp luật về tổ chức hoạt động của các đoàn thể, tổ chức của phụ nữ.*

Mặc dù quyền tham gia chính trị của phụ nữ chỉ có thể thực hiện tốt khi nó có cơ chế thực thi và giám sát đồng bộ việc thực hiện từ Trung ương đến địa phương. Ở Việt Nam, các tổ chức liên quan trực tiếp và gián tiếp đến phụ nữ được coi là cơ quan giám sát và thực hiện quyền của phụ nữ nói chung và quyền tham gia chính trị nói riêng. Trong đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đóng một vai trò quan trọng và hai cơ quan này được hiểu là các cơ quan đầu mối trong việc thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Tuy nhiên, hoạt động của hai cơ quan này, bên cạnh những kết quả đã đạt được còn những bất cập. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần có những quy định cụ thể hơn, rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Để hoàn thiện pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ Việt Nam, cần phải tiến hành các biện pháp:

*Thứ nhất*, tăng cường vai trò và quyền hạn cụ thể của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam trong việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Các biện pháp cụ thể được đặt ra như thúc đẩy vai trò của Hội Phụ nữ trong việc giới thiệu nhân sự nữ, hỗ trợ cho các nữ ứng cử viên và có nhiệm vụ giám sát chặt chẽ quá trình bầu cử. Các cấp Hội Phụ nữ và Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cần tăng cường sự phối hợp với các cấp ủy Đảng chính quyền, các ban, ngành chức năng, đoàn thể tổ chức tốt việc tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, chủ trương của các công tác Hội và Ủy ban, Công ước CEDAW cho phụ nữ vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Đảng và Nhà nước cần khuyến khích bằng cách hỗ trợ các nguồn lực cho các cơ quan này nhằm giúp họ thiết lập mạng lưới liên kết phụ nữ trong giới chính trị để chia sẻ kinh nghiệm và tạo sự phối hợp hoạt động chung không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn trên phạm vi quốc tế.

*Thứ hai*, xây dựng cơ quan thực thi và giám sát việc thực hiện pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Thực thi và thi hành pháp luật cần sự kiểm tra, giám sát đầy đủ và hữu hiệu cần quy định lại cho rõ chức năng, nhiệm vụ của hai cơ

quan Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam. Dù đã có Luật bình đẳng giới nhưng để Luật này đi vào cuộc sống cần sự hoạt động có hiệu quả của cơ quan giám sát luật. Đây là cơ quan thực thi và giám sát phải thực sự là cơ quan đầu mối, chỉ đạo trong việc phối hợp thực hiện với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ở tất cả các cấp nhằm đảm bảo sao cho phụ nữ có mặt ở tất cả các giai đoạn như rà soát, xây dựng, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền của mình, kể cả quyền chính trị mà đã được quy định trong Luật bình đẳng giới. Cơ quan giám sát- Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam phải thực sự trở thành cơ quan dân nguyện, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về luật, để từ đó làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân về quyền tham gia chính trị của phụ nữ.

### ***3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể tăng cường bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ tại tỉnh Bắc Giang***

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền**

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng là công việc trước tiên và quan trọng nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Do đặc điểm ở Việt Nam cơ chế Đảng cầm quyền nên ở các cấp, các ngành, nơi nào cấp ủy quan tâm đến sự tham gia chính trị của phụ nữ trong hệ thống chính trị nơi đó sẽ thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo... cán bộ nữ. Đồng thời, thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy nhằm đánh giá tình hình và những kết quả đạt được trong việc tăng tỷ lệ cán bộ nữ quản lý, lãnh đạo; đồng thời đề ra giải pháp thực hiện mục tiêu nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

Cấp ủy, chính quyền các cấp ngoài việc thực hiện công tác rà soát, quy hoạch hàng năm, đã thực hiện việc rà soát, thống kê số lượng, chất lượng nữ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo tỉnh trong công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm; tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng vận động, kỹ năng thuyết trình cho các ứng cử viên là nữ; phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, lựa chọn và tham mưu với Ban bầu cử các cấp sắp xếp cơ cấu hợp lý để các ứng cử viên là nữ có cơ hội trúng cử. Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức cho người dân, giảm dần các

định kiến, quan niệm thiên lệch về vai trò của nam và nữ trong gia đình và xã hội nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ có cơ hội tham gia vào các lĩnh vực của xã hội.

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và hệ thống chính trị đối với công tác phụ nữ, cán bộ nữ trong tình hình mới. Các cấp uỷ đảng tiếp tục lãnh đạo chỉ đạo nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ, ý thức trách nhiệm bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo quản lý, các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở, đưa nội dung giáo dục bình đẳng giới vào chương trình đào tạo trong hệ thống nhà trường, tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đối với công tác cán bộ nữ.

Công tác cán bộ nữ phải thực hiện thường xuyên, đồng bộ, lâu dài, có kế hoạch phân công, công tác nhằm tạo điều kiện để cán bộ nữ trẻ, đảng viên rèn luyện phấn đấu trưởng thành, các cấp uỷ đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo phong trào phụ nữ và củng cố phát triển tổ chức hội phụ nữ vào Nghị quyết hàng năm của cấp uỷ, tạo điều kiện để hội phụ nữ hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

2. Thực hiện các chương trình về phát triển kinh tế, xã hội và giúp cho phụ nữ phát triển toàn diện sẽ góp phần Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ.

Xác định "Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững" là nhiệm vụ quan trọng, góp phần giúp hội viên phụ nữ có thêm cơ hội việc làm, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống và xóa đói giảm nghèo

Phát triển kinh tế mở rộng các cơ hội việc làm và tăng năng suất trong thị trường lao động, đồng thời dẫn đến sự hình thành các thị trường lao động mới, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động kinh tế. Nhiều nước trên thế giới đã sửa đổi luật lao động để quy định sự đối xử bình đẳng và cơ hội bình đẳng giữa nam và nữ trong vấn đề việc làm. Tại Colombia và Costa Rica, vào những năm 80, các biện pháp cải cách ruộng đất nhằm công khai giải quyết các bất bình đẳng giới trong tập quán thừa kế đã mở rộng đáng kể quyền sở hữu đất đai cho phụ nữ.

Tăng trưởng kinh tế thường đi kèm với việc đầu tư nhiều hơn vào hạ tầng cơ sở. Các khoản đầu tư này cùng với việc phát triển thị trường cho các lao động thay thế có thể làm giảm nhẹ các công việc phi thị trường của phụ nữ và đem lại cho họ nhiều cơ hội làm công ăn lương cũng như thời gian rảnh rỗi, tạo điều kiện phá bỏ sự phân công lao động cứng nhắc. Cùng với đó, việc giảm nhẹ gánh nặng công việc gia

đình cũng có thể đem lại những lợi ích tiềm tàng cho sức khỏe của người phụ nữ, cho thu nhập của hộ gia đình, và cho việc học tập của trẻ em gái.

Tuy vậy, từ trước tới nay, nam giới có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao hơn phụ nữ và hình thái này vẫn đang tiếp diễn. Bên cạnh đó, phụ nữ vẫn tiếp tục nhận được mức thù lao thấp hơn của nam giới. Những nghiên cứu thực tiễn gần đây từ 71 nước đã cho thấy rằng, tính trung bình ở các nước phát triển, phụ nữ chỉ nhận được bằng 77% tiền lương của nam giới, và ở các nước đang phát triển thì con số này chỉ là 73%.

Tại Hội nghị thượng đỉnh phụ nữ toàn cầu, bản báo cáo đầu tiên về hoàn cảnh của phụ nữ tại 5 lục địa của Liên Hiệp Quốc cho thấy: sự tiến bộ của xã hội và kinh tế sẽ mau chóng hơn nếu người ta ưu tiên đầu tư vào phụ nữ. Vấn đề này không chỉ thể hiện sự công bằng mà còn nhằm đem lại sự quản lý tốt. Sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội,... sẽ cho phép xã hội thay đổi cách nhìn và có những lựa chọn hữu ích hơn. Trong những năm gần đây, các hội nghị lớn trên thế giới đều nhấn mạnh cần bảo đảm quyền của phụ nữ, coi đây là một nhân tố trụ cột của phát triển kinh tế, đồng thời kêu gọi các nước chú trọng đến mục tiêu bình đẳng giới. Trong cuộc sống gia đình, người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe và giáo dục con cái. Các nghiên cứu về kinh tế lượng khẳng định rằng, nâng cao giá trị tương đối của phụ nữ và tăng thêm các lựa chọn nắm giữ tài sản của họ có ảnh hưởng đến hình thái tiêu dùng trong gia đình.

Ngày nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã nhận thấy sự đóng góp vô cùng quan trọng của phụ nữ trong đời sống xã hội ở nhiều lĩnh vực. Theo thống kê, từ khi có giải Nobel năm 1901 đến nay, đã có 4,4% giải Nobel về hòa bình được trao cho phụ nữ. Nếu tính tất cả các lĩnh vực, số phụ nữ đoạt giải Nobel lên đến 28 người. Trong 192 đại diện thường trực ở Liên Hiệp Quốc có 14 phụ nữ. 11% nhân viên cấp cao tại cơ quan của Liên Hiệp Quốc là phụ nữ. Có 50% phụ nữ trong Chính phủ Thụy Điển- Đây là chính phủ đầu tiên trên thế giới đạt được sự cân bằng giữa nam và nữ. Kỷ lục thế giới về phụ nữ là dân biểu thuộc về Phần Lan với 39%. Tiếp theo là NaUy 35%, Thụy Điển 34%. Hiện có 12 quốc gia trong đó phụ nữ là tổng thống hay thủ tướng. 10 quốc gia đứng đầu về số phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực kinh tế và chính trị được Liên Hiệp Quốc bình chọn là: Thụy Điển, NaUy, Phần Lan, Đan Mạch, NiuDilan, Hà Lan, Mỹ, Áo và Italia.

Những chính sách này cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua đã tiếp tục làm thay đổi các cơ hội kinh tế của người dân, đặc biệt là nữ giới. Theo số liệu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, hiện phụ nữ chiếm trên 50% lực lượng lao động của cả nước. Phụ nữ có mặt trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Chiếm trên 46% trong tổng số công nhân viên chức, đội ngũ nữ công nhân viên chức trong các cơ quan nhà nước luôn chủ động, sáng tạo trong công việc và gương mẫu trong mọi hoạt động. Trong lĩnh vực nông nghiệp, vai trò của người phụ nữ được thể hiện một cách rõ nét trong bối cảnh Việt Nam là một nước nông nghiệp với 80% dân số sống ở nông thôn. Người phụ nữ vất vả làm ra hạt gạo và các loại cây lương thực, thực phẩm khác không chỉ để nuôi sống gia đình mà còn đóng góp tích cực cho mục tiêu an toàn lương thực quốc gia.

Từ sự phân tích ở trên cho thấy cần phải phát triển phụ nữ toàn diện trên các lĩnh vực sẽ tạo cho phụ nữ tự tin đóng góp trên nhiều lĩnh vực, uy tín, vị thế của phụ nữ vì vậy sẽ được xã hội nhìn nhận, góp phần thuận lợi, là tiền đề và tạo đà quan trọng trong phụ nữ tham gia hiệu quả trong lĩnh vực chính trị, đó cũng là bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ được thực hiện tốt.

## 2. Đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ gắn với đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm

Các cấp hội phụ nữ tiếp tục đổi mới nội dung phương thức hoạt động đảm bảo thiết thực hiệu quả, phù hợp với các đối tượng phụ nữ, hướng hoạt động về cơ sở, mở rộng các hoạt động liên kết, phối hợp, đa dạng hoá các loại hình tập hợp thu hút phụ nữ, xây dựng và phát triển phong trào thi đua yêu nước trong các cấp, các ngành, quan tâm chăm lo giải quyết việc làm, nâng cao đời sống bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của phụ nữ. Các cấp, các ngành làm tốt công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ lãnh đạo, bồi dưỡng gắn với xem xét đánh giá mạnh dạn đề bạt, bố trí cán bộ nữ. Thực hiện tốt các chính sách đối với đảng viên nữ, cán bộ nữ trong lãnh đạo, quản lý, tri thức, khoa học.

Cụ thể hoá quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý đặc biệt quan tâm đến cán bộ nữ là tri thức, công nhân, người công giáo. Vận dụng chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường đảng, đoàn thể ở Trung ương, ở tỉnh, cán bộ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Chăm lo bồi dưỡng phát triển tài năng nữ; bố trí phân công, công tác hợp

lý để đảng viên nữ có điều kiện phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành trong công tác, đồng thời có điều kiện chăm lo tốt cho gia đình.

Tạo điều kiện cho cán bộ nữ vươn lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, bình đẳng với nam giới trong lãnh đạo quản lý. Đây là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, người đứng đầu trong hệ thống chính trị, mặt khác chị em phụ nữ cũng thấy rõ những hạn chế của mình để tự học hỏi, tự vươn lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, khẳng định vị thế của mình trong xã hội và trong gia đình.

### **Kết luận chương 3**

Đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ cần phải thực hiện đồng bộ từ chủ trương đến chính sách pháp luật và đảm bảo cơ chế, chế tài thực hiện. Đồng thời phải chăm lo chính sách đào tạo, tạo nguồn đối với phụ nữ, quan tâm động viên từ vật chất đến tinh thần để phụ nữ yên tâm công tác quản lý và tham gia hoạt động xã hội. Đó là những vấn đề phát sinh từ thực tiễn sự tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn qua. Đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ tỉnh Bắc Giang bên cạnh những khó khăn tác động từ đảm bảo hệ thống pháp luật và tính khả thi thực hiện, còn chịu tác động của điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội. Do vậy cần phải có những giải pháp thực hiện đồng bộ, phù hợp nhằm tăng cường và nâng cao việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

## KẾT LUẬN

Trong tiến trình lịch sử pháp luật Việt Nam và trong quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra, chuyên ngành Luật nhân quyền ngày càng được quan tâm, xây dựng và hoàn thiện. Trong đó, quyền bình đẳng giới vì sự tiến bộ phụ của phụ nữ luôn là chủ đề xuyên suốt nhận được sự quan tâm ở trong nước và thế giới.

Ngày nay, vị thế và vai trò của phụ nữ trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng tiếp tục được khẳng định. Phụ nữ đã có nhiều thành tựu trên các lĩnh vực mà họ đã đóng góp từ khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Phụ nữ tham gia vào quá trình quản lý đất nước, quản lý xã hội là cần thiết và không thể thiếu được, là yêu cầu khách quan của xã hội văn minh và phát triển. Việc đề cử và trao quyền lãnh đạo cho phụ nữ đang là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời cũng là nhu cầu tự thân của phụ nữ nhằm phát huy vai trò của giới trong phát triển kinh tế và còn mang lại lợi ích cho bản thân phụ nữ nhằm phát huy vai trò của giới trong phát triển kinh tế và còn mang lại lợi ích cho bản thân phụ nữ. Nói cách khác, sự tham gia của phụ nữ vào quản lý nhà nước và xã hội vừa mang lại lợi ích cho xã hội vừa nhằm giải phóng phụ nữ.

Cùng với nhiều tỉnh trong cả nước, dù là một tỉnh nghèo ở Đông Bắc của đất nước, tỉnh Bắc Giang đã xác định việc đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ là một trong những quyền cơ bản, tất yếu đảm bảo sự tiến bộ của phụ nữ. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những hạn chế, lúng túng trong tổ chức thực thi chính sách, pháp luật nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Dù Luật bình đẳng giới đã được ban hành đến nay tổ chức thực hiện đã được 10 năm, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn nhiều vấn đề thực thi pháp luật nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ được thực hiện có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Đây là vấn đề đang được đặt ra. Từ thực tiễn ở tỉnh Bắc Giang, tác giả Luận văn đã đề ra một số giải pháp nhằm đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ qua đó góp phần đảm bảo quyền tham gia chính trị của phụ nữ trong toàn quốc nhằm vì sự tiến bộ của phụ nữ trong giai đoạn mới, giai đoạn toàn cầu hóa, xu thế hội nhập quốc tế.



Tham gia chính trị của phụ nữ là quá trình nữ giới thực hiện vai trò của mình trước hết với tư cách là một công dân vào quá trình giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, tham gia vào công việc của hệ thống chính trị, sau nữa là tham gia vào lãnh đạo và ra các quyết sách chính trị. Tăng cường sự tham gia chính trị của phụ nữ là thúc đẩy quá trình bình đẳng giới trong chính trị.

Trong gia đình, người phụ nữ phải làm nhiều công việc nội trợ và chăm sóc con cái hơn nam giới, và nhiều khi giá trị của các công việc đó không được thừa nhận một cách hợp lý. Nghiêm trọng hơn, nhiều phụ nữ phải chịu đựng tình trạng bạo lực gia đình từ phía người chồng. Những bất cập đối với sự nghiệp phát triển phụ nữ được nêu ở trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Thứ nhất, ở tỉnh Bắc Giang phụ nữ vẫn phải chịu quá nhiều rào cản từ phía xã hội, gia đình, văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán. Đặc biệt là sự nhận thức, định kiến của xã hội với tư tưởng trọng nam khinh nữ. Những tàn dư phong kiến phân biệt đối xử với phụ nữ, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nặng nề. Nhiều địa phương, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ quan điểm công tác cán bộ nữ là một bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của đảng. Vẫn còn biểu hiện hẹp hòi, thiếu tin tưởng vào khả năng của phụ nữ, như ngại tuyển dụng cán bộ nữ, đánh giá, sử dụng còn thiếu khách quan. Bên cạnh đó, cơ hội được tham gia đào tạo để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đối với cán bộ nữ vẫn khó khăn do cơ chế, chính sách còn có một số bất cập. Ngoài ra, do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang còn nhiều khó khăn, nên người phụ nữ còn phải chịu nhiều gánh nặng của công việc gia đình. Nhiều nghiên cứu cho thấy, ở Việt Nam, phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc con cái do quan niệm cho rằng, những việc nhà như nấu nướng, dọn dẹp, chăm sóc con cái là công việc của phụ nữ. Do vậy, khối lượng không cân bằng là một trong những chỉ số bất lợi cho phụ nữ khi vừa phải thu xếp công việc gia đình, vừa phải lo toan công việc để kiếm sống và tham gia công tác xã hội. Bên cạnh những nguyên nhân khách quan kể trên, một nguyên nhân khác làm ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò của người phụ nữ, đó là sự mặc cảm, tự ti, an phận của chính bản thân người phụ nữ. Một số người không tự vượt lên khỏi những thành kiến lạc hậu, “tự trói chặt mình” vào trong vai trò nội trợ, nuôi

con, phụ thuộc vào người chồng, mặc dù họ hoàn toàn có khả năng tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội.

Bình đẳng giới trong chính trị là một trong những nguyên tắc cơ bản của mọi nền chính trị dân chủ. Tỉnh Bắc Giang đang hướng tới xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vì vậy việc tăng cường thúc đẩy sự tham gia chính trị của phụ nữ là một mục tiêu quan trọng. Các biện pháp tăng thêm tiếng nói của phụ nữ trong hệ thống chính trị và trong quá trình hoạch định chính sách có thể có những ý nghĩa lớn lao đối với sự bình đẳng giới, bởi vì chúng nâng cao năng lực hành động thay mặt cho chính mình của phụ nữ. Để đạt được mục tiêu tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào chính trị ở tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn tới cần tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp mà trước hết là giải pháp cải thiện chính sách và thay đổi nhận thức về vai trò của phụ nữ.

Về chính sách, cần phải xem xét loại bỏ những chính sách phân biệt đối xử với phụ nữ, đặc biệt là giới hạn tuổi và chỉ tiêu đối với phụ nữ trong tuyển dụng, đề cử bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo. Đồng thời cần mở rộng và tăng quyền lựa chọn cho phụ nữ một cách hợp lý nhằm phát huy tiềm năng, sức lực của nữ giới vào sự phát triển bền vững của xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý về công bằng và bình đẳng giới trên cơ sở xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát cụ thể, kết hợp với tiếp tục hoàn thiện hơn nữa bộ luật bình đẳng giới nhất là áp dụng với đặc điểm vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa và ở cấp cơ sở, đổi mới hệ thống pháp luật, chú trọng tính dân chủ và công bằng cho người phụ nữ. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ thích đáng dưới dạng luật định nhằm giúp phụ nữ giảm thiểu gánh nặng gia đình trong khi tham gia chính trị. Thực hiện tốt chính sách dành riêng các vị trí chính trị cho phụ nữ. Đây là chiến lược có thể tạo cho phụ nữ có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong hệ thống chính trị, nhất là trong các vấn đề thuộc mối quan tâm của phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong các cơ quan chính quyền nhằm củng cố tính hợp pháp dân chủ của các cơ quan dân cử.

Về biện pháp, cần phải tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức hướng tới các cấp ủy Đảng và chính quyền, nhấn mạnh tầm quan trọng và hiệu quả khi có sự tham gia của phụ nữ trong các vị trí ra quyết sách. Đồng thời cần tiến hành các chiến dịch nâng cao nhận thức hướng tới xã hội thông qua nêu gương các lãnh đạo

nữ . Cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở cần nâng cao vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ trong việc tuyên truyền nguyên tắc công bằng, bình đẳng giới trở thành lẽ sống của mọi người trong xã hội cũng như trong việc bảo vệ lợi ích chính trị của người phụ nữ, tăng cường công tác tuyên truyền bình đẳng giới trong tham gia chính trị bằng việc cộng tác nhiều hơn với các lãnh đạo nữ nhằm nêu quan điểm của phụ nữ đối với các vấn đề chính trị thời sự; đồng thời khuyến khích truyền thông tìm kiếm và giới thiệu các quan điểm của phụ nữ đối với các vấn đề một cách bình đẳng và công bằng.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Hồng Anh (1997), *Chế độ bầu cử của một số nước trên thế giới*, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1994), Chỉ thị 37/CT-TW 16/5/1994, *Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, (1997), Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997, *Về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH-HDH đất nước*.
4. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Bắc Giang (2010), *Báo cáo đánh giá kết quả tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp uỷ các cấp nhiệm kỳ 2010-2015*.
5. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Bắc Giang (2010), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chiến lược Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010, phương hướng nhiệm trong giai đoạn tới*.
6. Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Bắc Giang (2015), *Báo cáo tình hình hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Giang, (Phục vụ buổi làm việc với đoàn kiểm tra của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, ngày 18/9/2015)*.
7. Đặng Dũng Chí, Hoàng Văn Nghĩa (2014), *Chủ nghĩa xã hội và quyền con người*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.20.
8. Đàm Văn Hiếu (1975), "*Quyền bầu cử và ứng cử của công dân trong chế độ ta*", Tạp chí Luật học, số 3, 1975.
9. Trần Thị Hòe (2003), *Phụ nữ tham gia lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay*, Thông tin Khoa học xã hội, số 3.2003.
10. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2004), *Báo cáo tham luận Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác cán bộ nữ*, Hà Nội.
11. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Giang, *Dự thảo Báo cáo: Đánh giá phong trào phụ nữ và hoạt động Hội nhiệm kỳ 2011-2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải*

*pháp nhiệm kỳ 2016-2021 (Trình tại Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Bắc Giang lần thứ XV).*

12. Hoàng Mai Hương (2005), *Hoàn thiện pháp luật về quyền chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật, cơ sở đào tạo: Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
13. PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương, *Các điều kiện bảo đảm thực thi quyền con người*, Hội thảo khoa học quốc tế: *Tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người*, Hà Nội ngày 16-17/03/2010.
14. Hà Thị Khiết (2004), *"Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới"*, Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 3, 2004.
15. Dương Thanh Mai (2004), *Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ*, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.83.
16. Hồ Chí Minh toàn tập (1995), t4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.
17. Nhà Xuất bản phụ nữ (1999), *Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)*, Hà Nội.
18. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (1995), *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*.
19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Bộ Luật dân sự 2005*.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), *Luật bình đẳng giới năm 2007*.
21. Hoàng Thị Kim Quế (2003), *"Phụ nữ: những ưu ái và thiệt thòi- nhìn từ góc độ xã hội, pháp lý"*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, 2003.
22. Sở Lao động- Thương binh và xã hội (2015), *Báo cáo sơ kết 5 năm tình hình thực hiện Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*.

23. Ngô Bá Thành (1982), "*Công ước về việc loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*", Tạp chí Luật học, số 2, 1982.
24. Cung Kim Tiên (2001), Từ điển Triết học, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.161.
25. Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người (2002), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Hà Nội.
26. Văn phòng Quốc hội (2003), Quyền của phụ nữ và trẻ em trong các văn bản pháp lý quốc tế và pháp luật Việt Nam, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Văn phòng thường trực về nhân quyền và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam (Sách chuyên khảo), Hà Nội, 2015.
28. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. GS.TS Võ Khánh Vinh và tập thể tác giả (2011), Giáo trình quyền con người, Nxb Khoa học xã hội.
30. GS.TS Võ Khánh Vinh và tập thể tác giả (2011), Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học, tập I, Nxb Khoa học xã hội.
31. GS.TS Võ Khánh Vinh và tập thể tác giả (2011), Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị, Nxb Khoa học xã hội.
32. GS.TS Võ Khánh Vinh và tập thể tác giả (2010), Giáo dục quyền con người những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Khoa học xã hội.
33. V.I. Lênin (1975), toàn tập, tập 40, Nxb Tiến bộ Mát- xơ-va, tr.22.
34. V.I. Lênin (1975), toàn tập, tập 6, Nxb Tiến bộ Mát- xơ-va, tr.263.

## PHỤ LỤC

**Bảng 3.1. Thống kê phụ nữ tham gia cấp uỷ từ tỉnh đến huyện giai đoạn 2005- 2015**

### 1- Cấp tỉnh

Chức danh	Nhiệm kỳ 2005-2010			Nhiệm kỳ 2010-2015		
	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	
		Số người	%		Số người	%
<b>Bí thư</b>				1	0	0
<b>Phó Bí thư</b>				2	0	0
<b>Ủy viên Ban Thường vụ</b>				14	1	7,14
<b>Ủy viên Ban chấp hành</b>	49	7	14,3	55	7	12,72

### 2- Cấp huyện

Chức danh	Nhiệm kỳ 2005-2010			Nhiệm kỳ 2010-2015		
	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	
		Số người	%		Số người	%
<b>Bí thư</b>				10	0	0
<b>Phó Bí thư</b>				20	1	5
<b>Ủy viên Ban Thường vụ</b>				130	10	7,69
<b>Ủy viên Ban chấp hành</b>	374	45	12	432	53	12,27

### 3- Cấp xã/phường

Chức danh	Nhiệm kỳ 2005-2010			Nhiệm kỳ 2010-2015		
	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	
		Số người	%		Số người	%
<b>Bí thư</b>	229	5	2,2	230	3	1,3
<b>Phó Bí thư</b>				319	12	3,76
<b>Ủy viên Ban Thường vụ</b>				870	42	4,83
<b>Ủy viên Ban chấp hành</b>	2.738	345	12,6	3.057	427	13,9

*Nguồn: Báo cáo của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Giang, lưu tại Sở Lao động thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang*